TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 0576 /TCT-QHCĐ V/v: Công bố thông tin định kỳ trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN	*Hà Nội, ngày 21 tháng 06 năm 2016*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên công ty: Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP

Trụ sở chính: 623 La Thành – phường Thành Công – Ba Đình – Hà Nội

Điện thoại: 043.8350930

Fax: 043.7721232

Người thực hiện công bố thông tin: Cấn Hồng Lai

Địa chỉ: Số 24A, ngõ 84, phố Chùa Láng, phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 0913203439 – 043.8350099

Fax: 043.7721232

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

CIENCO1 Báo cáo thường niên 2015 - Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

(Chi tiết xem file đính kèm)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận: - Như trên; - Tổng giám đốc ; - Trưởng BKS (b/c); - Website Cienco1; - Lưu: QHCĐ, VP.	**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN** **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 CÔNG TY CP **Cấn Hồng Lai**

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------o0o----------
Số: 0575 /TCT-QHCĐ	*Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2016*

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:	TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP
- Địa chỉ trụ sở:	Số 623 đường La Thành, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 0100104274 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tp Hà Nội cấp ngày 19/8/2014; Cấp sửa đổi lần thứ 3 ngày 19/11/2015.
- Vốn điều lệ:	700.000.000.000 đồng *(Bảy trăm tỷ đồng)*
- Điện thoại:	(043) 835 0930
- Fax:	(043) 7721 232
- Website:	www.cienco1.com

- Quá trình hình thành và phát triển của Tổng công ty:

- Trước khi thực hiện cổ phần hoá, Tổng công ty XDCTGT 1 là đơn vị kế thừa truyền thống của Ban chỉ đạo miền Tây được thành lập ngày 03/8/1964, sau đó (tháng 6/1966) được đổi tên thành Cục công trình II thuộc Bộ GTVT.
- Thời kỳ 1975 – 1995 Cục công trình II được lần lượt đổi tên thành Xí nghiệp liên hiệp công trình II (1975 – 1982); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông khu vực I (1983 – 1985); Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 (1985 – 1990) trực thuộc Bộ GTVT.
- Từ năm 1991 Liên hiệp các Xí nghiệp giao thông 1 được đổi tên thành Tổng công ty XDCT1, năm 1995 Bộ GTVT ban hành quyết định thành lập Tổng công ty XDCTGT1 theo Quyết định số 90 của Thủ tướng Chính phủ.
- Từ 01/7/2010 Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên trực thuộc Bộ GTVT và triển khai thực hiện công tác cổ phần hoá theo chủ trương của Đảng và các Nghị quyết của Chính phủ.

- Ngày 29/4/2014, Tổng công ty XDCTGT1 tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Tổng công ty chuyển sang mô hình hoạt động của công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp – Là công ty đại chúng quy mô lớn.
- Ngày 31/12/2014, Tổng công ty đã thực hiện thoái vốn 35% còn lại của vốn nhà nước theo chỉ đạo của Bộ GTVT.
- Trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty XDCTGT1 đã được Đảng, Nhà nước, Bộ GTVT và các ban ngành địa phương khen tặng nhiều danh hiệu cao quý cho các tập thể và cá nhân, trong đó điển hình là:

- Huân chương độc lập hạng nhất cho tập thể TCT năm 1985 và 2011
- Huân chương Hồ Chí Minh cho tập thể Tổng công ty năm 2004
- Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho tập thể Tổng công ty năm 2004
- Danh hiệu Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 07 đơn vị trực thuộc.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình giao thông (Cầu, đường sắt, đường bộ, cảng, sân bay)
- Địa bàn hoạt động chủ yếu: Trong nước (Hà nội, Đà nẵng, thành phố HCM...); Ngoài nước (Lào, Campuchia)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỔNG CÔNG TY XDCTGT1 – CÔNG TY CP

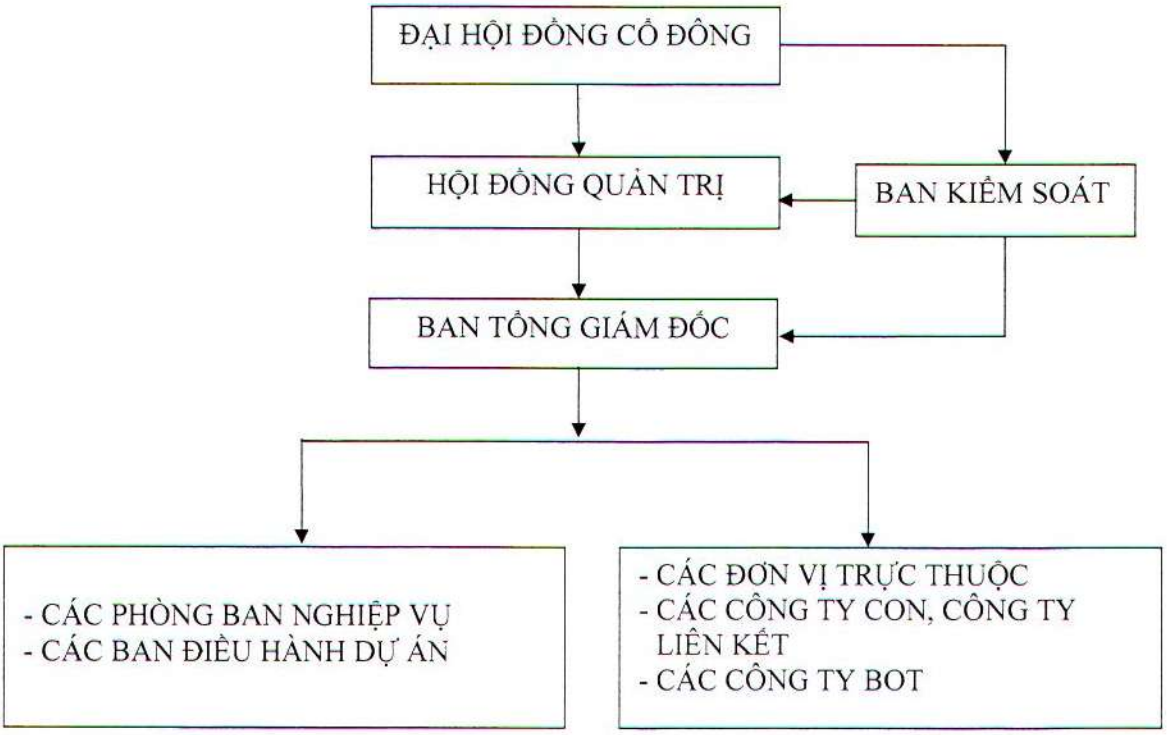

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015: Ngày 25/4/2015
+ Hội đồng quản trị: Gồm 05 người
+ Ban kiểm soát: Gồm 03 người
+ Ban Tổng giám đốc: Gồm TGĐ và 06 Phó Tổng giám đốc
+ Các phòng nghiệp vụ: 07 (Văn phòng, TCCB-LĐ, TCKT, Kế hoạch, Thị Trường, Kỹ thuật VTTB, Quan hệ cổ đông).
+ Các đơn vị trực thuộc gồm: 03 chi nhánh, 02 đơn vị thi công đường, 03 đơn vị thi công cầu, 01 đơn vị cung ứng lao động hợp tác nước ngoài, 01 trường dạy nghề
+ Các công ty con: 03 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
+ Các công ty liên kết: 16 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)
+ Công ty BOT có vốn góp TCT: 06 đơn vị (Chi tiết xem phụ lục đính kèm)

3.2 Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 tổ chức ngày 25/4/2015, đã bầu lại các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2014-2019 như sau:

- **Hội đồng quản trị gồm 05 người:**

+ Ông Nguyễn Ngọc Hoà: Chủ tịch HĐQT
+ Ông Cấn Hồng Lai: Phó Chủ tịch HĐQT
+ Ông Phạm Văn Diệt: Uỷ viên HĐQT
+ Ông Phạm Việt Khoa: Uỷ viên HĐQT
+ Ông Vương Đức Thọ: Uỷ viên HĐQT

- **Ban kiểm soát gồm 03 người:**

+ Ông Lê Văn Long: Trưởng Ban kiểm soát
+ Ông Vũ Việt Hùng: Kiểm soát viên
+ Bà Đỗ Thuý Anh: Kiểm soát viên

3.3 Tại cuộc họp HĐQT ngày 10/10/2015, HĐQT Tổng công ty đã quyết nghị:

- Bầu ông Cấn Hồng Lai giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Tổng công ty
- Bầu ông Phạm Văn Diệt giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của TCT

+ Hoàn thiện hệ thống quy chế hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trong đó cơ quan điều hành TCT giữ vai trò hạt nhân về khoa học, công nghệ, thị trường, tài chính; Có đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý năng động, sáng tạo; Đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề; Thị trường xây dựng, đầu tư và thương hiệu hấp dẫn để mở rộng sản xuất kinh doanh; Có đủ năng lực cạnh tranh trong nước và khu vực, có cơ cấu ngành nghề phù hợp với thế mạnh truyền thống của TCT để phát triển ổn định, vững chắc.
+ Xây dựng TCT thành doanh nghiệp mạnh hàng đầu của ngành GTVT về xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông quốc gia.

+ Thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp, sử dụng hợp lý các nguồn lực, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

+ Xây dựng một số đơn vị thành viên (Công ty con) có quy mô lớn, có sức cạnh tranh cao đi đôi với việc thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, không có hiệu quả.

+ Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

+ Xây dựng và quảng cáo thương hiệu CIENCO1; Nâng cao khả năng cạnh tranh của TCT đối với thị trường trong nước và thị trường khu vực.

5. Các rủi ro

- Do ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới nên Việt nam cũng không tránh được ảnh hưởng, nền kinh tế tiếp tục còn khó khăn, nhà nước tiếp tục thắt chặt chi tiêu công, nguồn vốn đầu tư xã hội tiếp tục bị suy giảm trong khi cạnh tranh trong ngành XDCB ngày càng gay gắt.
- Biến động khó lường về thị trường vàng, tỷ giá ngoại tệ, giá nhiên liệu...trên thế giới.
- Tác động của biến đổi khí hậu, thời tiết.
- Dòng tiền thanh toán từ các chủ đầu tư.
- Tình trạng chậm giải phóng mặt bằng ở các dự án

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động SXKD năm 2015

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2015 – CÔNG TY MẸ

(Đvt: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2015	Thực hiện	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000	700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	5.232.400	4.818.397	92,09%
3	Doanh thu	4.409.553	4.916.064	111,49%
4	Thu nhập khác	-	85.095	-
5	Tổng chi phí	4.329.672	4.904.920	113,29%
6	Lợi nhuận trước thuế	83.047,9	96.239	115,88%
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.270,5	18.980	103,88%
8	Lợi nhuận sau thuế	64.777,4	77.259	119,27%
9	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	9,25%	11,04%	119,35%

Các công trình tiêu biểu hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2015:

- Cầu Nguyệt Viên – Thanh Hóa

- Nút giao ngã ba Huế – Đã Nẵng
- Các gói thầu EX5, EX1B, EX19A – dự án cao tốc HN-HP
- Cầu Hạc Trì – Phú Thọ
- Cầu Cổ Chiên – Trà Vinh
- Gói thầu số 4&5 – dự án đường Pháp Vân – Cầu Giẽ
- Các gói thầu CP1A, CP4, CP3B – dự án đường sắt
- Cầu ông Cộ - Bình Dương
- Các gói thầu 12,13,14 – dự án mở rộng QL1A đoạn qua tỉnh Bình Định
- Các gói TN1 & TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình
- Cầu Hòa Trung – Cà Mau
- Nút giao Long Biên
- Cầu Rạch Chiếc – Thành phố Hồ Chí Minh

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác

TT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu		Ghi chú
			Số cổ phần	Tỷ lệ	
1	Quách Bá Vương	TGĐ	-	-	
2	Nguyễn Trường Long	PTGĐ	25.080	0,0358%	
3	Nguyễn Ngọc Hoà	PTGĐ, UVHĐQT	7.000	0,0100%	
4	Vương Đức Thọ	PTGĐ, UVHĐQT	5.600	0,0080%	
5	Nguyễn Duy Thắng	PTGĐ	6.600	0,0094%	
6	Đinh Ngọc Đàn	PTGĐ	-	-	
7	Đào Việt Tiến	PTGĐ	101.500	0,1450%	
8	Võ Thành Công	Kế toán trưởng	46.700	0,0667%	
9	Lê Văn Dần	GĐ Công ty TCCG1	44.900	0,0641%	
10	Trần Trung Thành	GĐ XN Cầu 18	165.700	0,2367%	
11	Lê Huy Hùng	GĐ XN Cầu 17	50.500	0,0721%	

12	Đồng Xuân Trường	GĐ XN XDCT – Cienco1	61.900	0,0884%	
13	Trần Anh Dũng	GĐ Công ty XD 123	-	-	
14	Nguyễn Văn Hoàn	Hiệu Trưởng Trường TCN	8.000	0,0114%	
15	Đỗ Hoàng Lê	GĐ Cty CU-LĐQT	15.700	0,0224%	
16	Huỳnh Quang Tuấn	GĐ Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	12.700	0,0181%	
17	Nguyễn Tiến Hùng	GĐ CN Tây Nguyên	6.300	0,0090%	
18	Đặng Hữu Sáng	GĐ CN Camphuchia	5.200	0,0074%	

2.2 Những thay đổi trong Ban TGĐ và cán bộ quản lý khác trong năm 2015

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lý do thay đổi
1	Quách Bá Vương	TGĐ	Bổ nhiệm chức danh TGĐ theo QĐ số: 0390 QĐ/HĐQT ngày 14/10/2015
2	Phạm Quảng Dương	PTGĐ	Nghỉ hưu chế độ theo QĐ số: 0760/QĐ/TCT-TCCB-LĐ ngày 15/12/2014
3	Vương Đức Thọ	P.TGĐ	Bổ nhiệm chức danh PTGĐ theo QĐ số: 0389 QĐ/HĐQT ngày 14/10/2015
4	Đào Việt Tiến	P.TGĐ	Bổ nhiệm chức danh PTGĐ theo QĐ số: 0391 QĐ/HĐQT ngày 14/10/2015
5	Lê Huy Hùng	GĐ XN Cầu 17	Bổ nhiệm chức danh GĐ XN Cầu 17 theo QĐ số: 0410 QĐ/HĐQT ngày 09/11/2015
6	Trần Anh Dũng	GĐ Công ty XD 123	Bổ nhiệm chức danh GĐ Công ty XD 123 theo QĐ số: 0246 QĐ/HĐQT ngày 01/7/2015

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên trong công ty mẹ, tóm tắt chính sách và thay đổi bổ sung chính sách đối với người lao động trong năm 2015.

- Số lượng cán bộ nhân viên Công ty mẹ (Thời điểm 31/12/2015)

TT	Mô tả	Số lượng
1	Trình độ trên đại học và đại học	895 người
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	162 người
3	Công nhân kỹ thuật, nhân viên phục vụ	1.411 người
4	Lao động phổ thông	169 người
Tổng cộng		**2.637 người**

- Chính sách cơ bản đối với người lao động

+ Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

+ Việc đãi ngộ cho người lao động: Người lao động được hưởng lương theo khả năng đáp ứng công việc được giao, không phụ thuộc vào thâm niên công tác. Đặc biệt có chính sách đãi ngộ khuyến khích đối với lao động có trình độ kỹ thuật cao, quản lý giỏi và thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ Sử dụng lao động: Thường xuyên luân chuyển cán bộ để hoàn thiện khả năng quản lý và trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh. Quy hoạch, bồi dưỡng lực lượng lao động trẻ có trình độ, phẩm chất đạo đức tốt trở thành lực lượng lao động chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án đầu tư

a. Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư vào các dự án BOT

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Tên dự án đầu tư	Vốn góp theo cam kết	Tỷ lệ vốn góp	Thực tế đã góp
1	Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá	21.050	15%	21.050
2	Dự án BOT cầu Cổ Chiên – Quốc lộ 60	49.400	26%	49.400
3	Dự án BOT cầu Việt Trì	53.000	20%	45.532,4
4	Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ	148.172,58	18%	148.172,58
5	Dự án BOT tuyến tránh Phủ Lý	92.250	25%	40.000
6	Dự án BOT cầu Bạch Đằng	80.000	10%	80.000
	Tổng cộng	**443.872,58**		**384.154,98**

- **Đầu tư mua sắm vật tư – thiết bị năm 2015**

(Đvt: đồng)

TT	Tên thiết bị	Đvt	SL	Giá trị	Đv sử dụng
1	Bộ ván khuôn leo cầu Vàm Cống	Chiếc	01	12.294.000.000	Công ty TCCG1
2	Xe ô tô Toyota Land CruierVX 4.600cm^3	Chiếc	01	3.041.240.000	Tặng TƯ Đoàn
3	Xe ô tô Toyota Fortuner	Chiếc	01	1.058.327.273	CN Miền Nam
4	Xe ô tô Toyota Land Cruier Prado	Chiếc	01	2.195.672.726	Công ty TCCG1
5	Máy toàn đạc điện tử	Chiếc	01	218.000.000	Công ty TCCG1
	Tổng cộng			**18.807.239.999**	

+ *Tổng cộng giá trị đầu tư: 18.807.239.999 đồng.*

- Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

+ Dự án BOT đường tránh Thanh Hoá: Đã hoàn thành, đang tiến hành thu phí

+ Dự án cầu Cổ Chiên: Đã hoàn thành đưa vào khai thác từ tháng 5/2015

+ Dự án BOT cầu Việt Trì: Đã hoàn thành đưa vào khai thác từ tháng 5/2015

+ Dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ: Đã hoàn thành đưa vào khai thác thu phí giai đoạn 1 từ tháng 6/2015, đang thi công giai đoạn 2

+ Dự án BOT tuyến tránh Phủ Lý: Đang triển khai thi công, dự kiến tháng 6/2016 hoàn thành

+ Dự án BOT cầu Bạch Đằng: Đang triển khai thi công.

b. Tình hình tài chính – hoạt động của các Công ty con.

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Tên công ty	Doanh thu	Lợi nhuận	LNST /TTS	LNST/ VCSH
1	Công ty CP Cầu 12 - Cienco1	740.806.723.584	12.579.545.856	1,88%	16,94%
2	Công ty CP CKXD 121 - Cienco1	69.779.112.289	1.542.773.447	0,86%	11,26%
3	Công ty CP Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco1	27.358.998.553	12.567.431	0.04%	0.07%

4. Tình hình tài chính năm 2015

a. Tình hình tài chính: ***(Xem chi tiết ở biểu dưới đây)***

(Đơn vị tính: Đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	5.005.475.531.886	4.650.373.921.752	
Doanh thu thuần	5.843.763.463.810	5.788.650.855.837	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	138.237.405.945	119.534.377.445	
Lợi nhuận khác	(5.411.989.522)	(5.562.302.564)	
Lợi nhuận trước thuế	132.825.416.423	113.972.074.881	
Lợi nhuận sau thuế	100.732.284.848	88.694.040.909	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	9%	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: ***(Xem chi tiết ở biểu dưới đây)***

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,06	1,12	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-HTK)/Nợ ngắn hạn	0,83	0,82	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,83	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn CSH	4,81	4,52	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay HTK: Giá vốn hàng bán/HTK bình quân	5,32	5,43	
+ Doanh thu thuần/Tổng TS	1,17	1,24	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

+ Hệ số LNST/DTT	0,02	0,02	
+ Hệ số LNST/VCSH	0,12	0,11	
+ Hệ số LNST/Tổng TS	0,02	0,02	
+ Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phần: 70.000.000 cổ phần, toàn bộ là cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do. Trong đó:

- Cổ phần của cổ đông là tổ chức: 61.124.780 cổ phần, chiếm tỷ lệ 87,3211% VĐL. Trong đó:
  + Cổ phần của các cổ đông chiến lược: 27.003.534 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,5765% VĐL.
  + Cổ phần của các cổ đông là tổ chức khác: 34.121.246 cổ phần, chiếm tỷ lệ 48,7446% VĐL.
- Cổ phần của cổ đông là cá nhân: 8.875.220 cổ phần, chiếm tỷ lệ 12,6789% VĐL. Trong đó:
  + Cổ phần của các cổ đông là CBCNV: 7.888.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11,2686% VĐL.
  + Cổ phần của các cổ đông bên ngoài: 987.200 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,4103% VĐL.

b. Cơ cấu cổ đông (Thời điểm 31/12/2015)

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ SH
I	**Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu**		
1	Cổ đông lớn (Trên 5%)	60.874.780	86,9640%
2	Cổ đông nhỏ	9.125.220	13,0360%
II	**Cơ cấu theo cổ đông trong nước – cổ đông nước ngoài**		
	Cổ đông trong nước	70.000.000	100%
III	**Cơ cấu theo cổ đông tổ chức – cổ đông cá nhân**		
1	Cổ đông tổ chức	61.124.780	87,3211%
2	Cổ đông cá nhân	8.875.220	12,6789%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015

1.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

(Đvt: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2015	Thực hiện	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000	700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	5.232.400	4.818.397	92,09%
3	Doanh thu	4.409.553	4.916.064	111,49%
4	Thu nhập khác	-	85.095	-
5	Tổng chi phí	4.329.672	4.904.920	113,29%
6	Lợi nhuận trước thuế	83.047,9	96.239	115,88%
7	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.270,5	18.980	103,88%
8	Lợi nhuận sau thuế	64.777,4	77.259	119,27%
9	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	9,25%	11,04%	119,35%

1.2 Những mặt công tác chính thực hiện trong năm 2015

a. Công tác tổ chức thi công các dự án

Năm 2015, Tổng công ty tổ chức triển khai thi công trên 30 dự án, trong đó có 22 dự án phải hoàn thành trong năm. Nhiều dự án đòi hỏi kỹ thuật cao, tiến độ gấp như cầu Vàm Cống, nút giao Ngã ba Huế, cầu Hòa Trung,…Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc đã tổ chức triển khai một cách khoa học, bài bản với tính chuyên nghiệp cao, kết quả:

+ Với các dự án thời hạn kết thúc hợp đồng trong năm 2015: Tất cả (22) các dự án hoàn thành trong năm đều đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đạt và vượt tiến độ được Chủ đầu tư khen ngợi đánh giá cao, điển hình như: Cầu Nguyệt Viên – Thanh Hóa; nút giao Ngã ba Huế - Đà Nẵng; các gói thầu EX5, EX1B, EX19A – dự án cao tốc HN-HP; cầu Hạc Trì – Phú Thọ; cầu Cổ Chiên – Trà Vinh; gói thầu số 4&5 - dự án đường Pháp Vân – Cầu Giẽ; các gói thầu CP1A, CP4, CP3B – dự án đường sắt; cầu Ông Cộ - Bình Dương; các gói thầu 12,13,14 – dự án mở rộng QL1A đoạn qua tỉnh Bình Định; các gói TN1&TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; cầu Hòa Trung – Cà Mau; nút giao Long Biên; cầu Rạch Chiếc – TP HCM,…

+ Với các dự án còn thời hạn hợp đồng: Sản lượng đều đạt và vượt so với hợp đồng, điển hình như các dự án: Cầu Vàm Cống; cầu Chrey Thom/Long Bình – Campuchia; cầu SeKong – Lào; cầu Sông Chanh – Quảng Ninh,…

b. Công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng và An toàn lao động:

+ Công tác kỹ thuật công nghệ, quản lý chất lượng:

- Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ luôn được TCT quan tâm đầu tư hàng đầu: Ngoài các công nghệ truyền thống như khoan nhồi, đúc hẫng, dây văng, dự ứng lực, xử lý nền đất yếu, chống sụt trượt,...tiếp tục được đầu tư, bổ sung hoàn thiện, chuyên nghiệp hóa từ con người, thiết bị, vật tư vì thế đã phát huy hiệu quả tại các dự án: Tốc độ thi công nhanh hơn, chuyên nghiệp hơn, an toàn hơn. Các công nghệ mới đã được TCT tiếp nhận và ứng dụng có hiệu quả trong thời gian qua như: Công nghệ thi công lớp tạo nhám siêu mỏng NOVACHIP, công nghệ cào bóc tái chế nâng cấp kết cấu áo đường ô tô cũ, sản xuất kết cấu thép cầu dàn và vòm, thi công cầu vòm thép nhồi bê tông khẩu độ lớn,... Đặc biệt trong năm 2015, TCT đã triển khai thành công các công nghệ: Cọc CDM LODIC và CSM, thi công nền đường bằng các khối lưới địa gia cường tại dự án CP1A đường sắt; Lắp đặt ray hàn liền (200m) trên mặt dầm bê tông tại gói thầu CP1A&CP4 dự án đường sắt; Cọc khoan nhồi đường kính 2,5m sâu 120m và công nghệ thi công trụ tháp bằng ván khuôn leo tại cầu Vàm Cống. Đây thực sự là mũi nhọn có tính đột phá và là nhân tố quyết định nâng cao năng suất lao động, tạo ra sức cạnh tranh, nâng cao thương hiệu CIENCO1.

- Xác định chất lượng công trình là sự sống còn của doanh nghiệp, ngay từ đầu năm TCT đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, thẩm tra rà soát biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo chất lượng và xử lý các vướng mắc về kỹ thuật ở tất cả các dự án mà TCT đảm nhận và các dự án mà các đơn vị làm chủ thể hợp đồng. Các vấn đề về kỹ thuật trên tất cả các dự án đều được giải quyết kịp thời đảm bảo mục tiêu: "Chất lượng – Tiến độ - An toàn – Hiệu quả". Kết quả cho đến nay tất cả các công trình Cienco1 thi công được các Chủ đầu tư đánh giá đạt chất lượng cao.

- Để quản lý chặt chẽ về chất lượng và an toàn, Tổng công ty tiếp tục đôn đốc kiểm tra thường xuyên các quy định, quy chế như: "Quy chế quản lý chất lượng nội bộ", "Quy chế An toàn lao động" , "tiêu chuẩn về hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp: OHSAS 18001",...

+ Công tác An toàn lao động:

- Công nhân lao động trên tất cả các dự án được cấp đầy đủ bảo hộ và phòng hộ lao động, được huấn luyện, học tập an toàn lao động. Mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên trên các công trường đều đã được kiện toàn đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng.

- Công tác vệ sinh công nghiệp: Thực hiện nghị quyết số 10/NQ ngày 8/4/2011 của Công đoàn GTVT Việt Nam về nâng cao hiệu quả công tác ATVSLĐ, xây dựng tác phong công nghiệp trong doanh nghiệp ngành GTVT đến năm 2015, ban ATVSLĐ - PCCN phối hợp với các tổ chức đoàn thể phát động phong trào thi đua và ký giao ước đảm bảo ATVSLĐ - PCCN trên tất cả các công trường đang thi công.

- Toàn Tổng công ty, năm 2015 không xảy ra trường hợp nào mất an toàn trong thi công, không có tại nạn lao động. Đó là kết quả đáng biểu dương và tiếp tục phải duy trì, đồng thời tăng cường đôn đốc kiểm tra hơn nữa để ngăn chặn kịp thời các trường hợp gây nguy hiểm đến an toàn lao động.

c. Công tác thị trường:

Công tác thị trường năm 2015 đạt được như sau: Toàn tổng công ty (Công ty Mẹ và các đơn vị chưa thoái vốn 100%) thắng thầu được 3.103 tỷ đồng, trong đó: Công ty Mẹ: 1.546,5 tỷ đồng; Các đơn vị thành viên: 1.556,5 tỷ đồng (Tổng giá trị

trúng thầu: 10.989 tỷ đồng. Phần của Cienco1: 3.103 tỷ đồng, phần của đối tác Liên danh: 7.886 tỷ đồng). Điển hình là các gói thầu: Cầu Bạch Đằng; gói thầu EX19A – dự án cao tốc HN-HP; nút giao Long Biên; cầu Hòa Trung – Cà Mau; gói TN1&TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình,…

Với giá trị thắng thầu trên, công tác thị trường năm 2015 chỉ đạt 39% kế hoạch năm (3.103/8.000 tỷ đồng). So sánh với giá trị trúng thầu của các năm gần đây: Năm 2013 trúng thầu 12.089 tỷ đồng, năm 2014 trúng thầu 9.244 tỷ đồng cho thấy công tác thị trường năm 2015 giảm sút nghiêm trọng. Ngoài yếu tố khách quan do nguồn vốn ngân sách hạn hẹp, số lượng các dự án lớn triển khai mời thầu ít, ngành xây dựng giao thông đã được xã hội hóa sâu rộng dẫn đến thị trường bị thu hẹp và với việc bỏ giá thầu thấp diễn ra rất khốc liệt cả ở trong nước và thị trường Campuchia, Lào. Bên cạnh đó cũng có yếu tố chủ quan là một số đơn vị thành viên chưa tích cực, quyết liệt trong công tác thị trường tìm kiếm công việc đã là nguyên nhân dẫn đến giá trị trúng thầu cả năm 2015 thấp.

d. Công tác tài chính, nghiệm thu thanh toán:

+ Tổng công ty đã quản lý khoa học hiệu quả các nguồn tiền, đủ kinh phí để giải quyết kịp thời nhu cầu vốn cho các dự án. Điển hình các dự án trọng điểm phải đẩy nhanh tiến độ nhưng lại gặp khó khăn về thanh toán từ Chủ đầu tư như: gói thầu CP1A – dự án đường sắt, dự án đường Pháp Vân – Cầu Giẽ, gói 7 – dự án cao tốc ĐN-QN,…thu xếp ứng trước vốn thi công cầu Hòa Trung, cầu Rạch Chiếc và cấp vốn cho các dự án BOT như: Cầu Hạc Trì, cầu Cổ Chiên, tuyến tránh TP Phủ Lý,…

+ Công tác nghiệm thu, thanh toán: Hầu hết các dự án đang triển khai hoặc mới hoàn thành đều được nghiệm thu khá tốt như: gói EX1B – dự án cao tốc HN-HP, gói CP3B – dự án đường sắt, gói số 1 – dự án cao tốc ĐN-QN, cầu Vàm Cống,…Tuy nhiên vẫn còn một số dự án thời gian nghiệm thu quá dài, chưa đáp ứng kịp thời về dòng tiền cho sản xuất như cầu Sông Chanh, gói 7 – dự án đường cao tốc ĐN-QN, gói thầu 12,13,14 – dự án mở rộng QL1 đoạn qua tỉnh Bình Định, cầu Bạch Đằng,…

e. Công tác quản lý giá thành và quản lý thu tại các dự án:

+ Quản lý giá thành: Các dự án của Tổng công ty trước khi giao, đã được lập giá thành kế hoạch và tổ chức thẩm định, nhằm đạt hiệu quả cao nhất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Đối với các dự án đơn vị tự tìm kiếm, Ban tổng giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo mức thu phí theo quy định, đồng thời đảm bảo cho đơn vị không lỗ khi triển khai thực hiện, để thúc đẩy các đơn vị tích cực hơn trong công tác thị trường.

+ Quản lý thu tại các dự án: Ban TGĐ thực hiện đầy đủ các quy định, của Hội đồng quản trị đối với các nội dung giao thi công dự án và tỷ lệ thu phí. Các dự án đều đảm bảo mức thu phí Quản lý của Tổng công ty từ 3% trở lên. Một số dự án đã thực hiện thu ngay toàn bộ phí Quản lý từ thời điểm nhận được tiền tạm ứng của Chủ đầu tư, nên đảm bảo nguồn vốn lưu động cho Tổng công ty. Ngoài ra các chi phí bảo hành công trình giữ lại của Chủ đầu tư, trước đây có phân bổ cho phần Quản lý phí Tổng công ty đã được chuyển cơ bản về các đơn vị, ngoại trừ một số ít dự án đang ở giai đoạn cuối thì không thay đổi.

f. Công tác đánh giá tồn đọng vốn và thu hồi công nợ:

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị TCT, Ban tổng giám đốc đã chỉ đạo

các bộ phận nghiệp vụ tiếp tục thông kê, xây dựng kế hoạch làm giảm các khoản công nợ tồn đọng đối với các dự án đã hoàn thành và các dự án đang triển khai. Đối với công tác thu hồi công nợ: Tổng công ty đã thành lập và kiện toàn Tổ thu hồi công nợ, tổ trưởng là một Phó tổng giám đốc, tổ phó thường trực là Kế toán trưởng. Tổ đã tiến hành phân tích, rà soát đánh giá các khoản nợ phải thu đối với các Chủ đầu tư, bám sát diễn biến tình hình, chủ động và làm việc quyết liệt với Chủ đầu tư để ghi vốn và thanh, quyết toán các dự án. Qua đó đã giảm bớt được các khoản tồn đọng vốn đối với các dự án, điển hình như: Dự án Láng – Hòa Lạc, cầu Rồng, cầu Trần Thị Lý, gói thầu PK1C – dự án QL3,…

g. Công tác tổ chức cán bộ, lao động

+ Hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản quy định như: Quy chế An toàn lao động – Vệ sinh môi trường; Quy chế Quản lý chất lượng; Quy chế Mua sắm thiết bị vật tư; Quy chế Quản lý thiết bị vật tư; Quy chế Hoạt động của đơn vị trực thuộc; Quy chế Quản lý vốn; Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban ĐHDA; Quy trình Công bố thông tin; Quy trình Quản lý sổ cổ đông.

+ Tiếp tục đổi mới và kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự của Tổng công ty theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành các quyết định bổ nhiệm đối với các chức danh trong bộ máy điều hành của Tổng công ty theo phân cấp. Đổi tên phòng Quản lý vốn và thẩm định đầu tư thành phòng Quan hệ cổ đông, sáp nhập nguyên trạng phòng Đầu tư phát triển vào phòng Kế hoạch.

+ Thành lập: 06 Ban điều hành dự án; 40 Hội đồng, Tổ phục vụ yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Điều động, sắp xếp, luân chuyển cán bộ từ các dự án đã kết thúc như cầu Đông Trù, nhà ga T2 Nội Bài về các dự án mới: Gói EX19A – dự án cao tốc HN-HP, gói TN1&TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ -Ninh Bình, cầu Sín ChảiII,...

h. Công tác đầu tư:

Tiếp tục giữ vững thương hiệu là Nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, đồng thời Tổng công ty xác định phải trở thành Nhà đầu tư lớn trong lĩnh vực hạ tầng giao thông. Tổng công ty đã tiếp tục triển khai đầu tư một số dự án BOT và thiết bị để nâng cao sức cạnh tranh như:

+ **Đầu tư BOT:**

- Tiếp tục đầu tư theo lộ trình các dự án: Tuyến tránh Thanh Hóa (2 giai đoạn); cầu Cổ Chiên 26%; cầu Hạc Trì 20%; đường Pháp Vân – Cầu Giẽ 18% (2 giai đoạn); tuyến tránh TP Phủ Lý 25%; cầu Bạch Đằng 10%. Các dự án đều đang thu phí, chỉ có cầu Bạch Đằng và tuyến tránh TP Phủ Lý còn đang triển khai thi công.

- Đối với các dự án BOT nói trên, hầu hết đạt hiệu quả mong muốn, hiệu quả vốn đầu tư đảm bảo đáp ứng được các chỉ tiêu ban đầu.

+ **Đầu tư máy móc thiết bị và vật tư thi công:** Tổng giá trị đầu tư năm 2015 là: 18,807 tỷ đồng trong đó:

- Đối với công tác thi công cầu: Trong giai đoạn khó khăn về vốn, chỉ đầu tư bộ ván khuôn leo cầu Vàm Cống: 12,3 tỷ đồng là thiết bị chuyên dụng không thể đi thuê được.

- Đối với công tác thi công đường: Mặc dù số lượng, chủng loại, công suất thiết

bị thiếu và yếu nhưng Tổng công ty chưa đầu tư thêm trong năm 2015.

- Ngoài ra năm 2015 Tổng công ty còn đầu tư 03 xe ô tô con và 01 máy toàn đạc điện tử với số tiền là: 6,507 tỷ đồng.

i. Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông:

+ Công tác quản lý vốn:

- 12 đơn vị đã tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, trong đó các đơn vị có cổ tức là: CT CP cầu 12 (12%); CT CPTVTNCTGT1- Cienco1 (12%); CT CPCKXD 121 (8%); CT CPXDCT&ĐT 120 (2%); CT CPTVDDTXDCTGT-Cienco1 (9,2%); CT CPĐTTM&XDGT1 (10%); CT CPTVĐT&XD Việt Nam (5%); CT BOT Thanh Hóa (10%). Tổng số tiền cổ tức được chia năm 2014 là: 7.094.084.000 đồng.

- Trong năm 2015, đã tiến hành thực hiện thoái thành công 100% vốn góp tại 06 đơn vị (Công ty CP cầu 14, Tư vấn thí nghiệm, Công ty CP 120, Trading, Công ty CP 240, Công ty CP 242) và thoái một phần ở Công ty CPĐTXD 125 (đã thoái 35,06%, còn 49% vốn điều lệ). Tổng giá trị theo mệnh giá là: 56,374 tỷ đồng, tổng giá trị thu về: 82,143 tỷ đồng, thu lợi 25,769 tỷ đồng tỷ đồng. Từ đầu năm 2016 đến nay đã thoái vốn thành công thêm 04 Công ty, nâng tổng số đơn vị đã thoái vốn lên 25 Công ty.

+ Công tác quan hệ cổ đông:

- Tổng công ty đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào tháng 4, Đại hội đã bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo điều lệ của Tổng công ty cổ phần.

- Đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2014 cho các cổ đông theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên với tổng số tiền là: 70 tỷ đồng.

- Hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông; Ban hành quy trình quản lý sổ cổ đông; Thực hiện việc xác nhận chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông.

k. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:

+ Phong trào thi đua:

- Trong năm 2015 Tổng công ty đã được tặng thưởng nhiều danh hiệu, bằng khen, giấy khen cho các dự án, tập thể, cá nhân, điển hình như: 15 Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân; 01 cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ năm 2015 cho Tổng công ty; 01 cờ cho Công đoàn TCT và 02 cờ cho 02 đơn vị của Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng; 12 bằng khen của Tổng LĐLĐ Việt Nam cho 02 tập thể và 10 cá nhân.

- Kết hợp với Công Đoàn, ĐTN Tổng công ty, tổ chức phát động thi đua và hưởng ứng tuần lễ quốc gia ATVSLĐ – PCCN trên nhiều dự án, điển hình như: dự án nâng cấp đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, cầu Hạc Trì, dự án đường sắt trên cao Nhổn – ga Hà Nội,…

- Kết hợp với Công Đoàn, ĐTN Tổng công ty tham gia và đạt giải nhất các giải: Giải Bóng đá mini lần thứ 3 ngành GTVT; Giải báo GTVT năm 2015. Tổ chức giao lưu văn nghệ thể thao các đơn vị trong Tổng công ty theo từng cụm địa bàn.

+ Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng:

- Kết hợp với Công Đoàn TCT, Tổng công ty đã tham gia ủng hộ nhiều chương trình xã hội với tổng kinh phí trên 10,0 tỷ đồng, điển hình như: Ủng hộ chương trình "Áo ấm vùng cao" là 60 triệu đồng; Hỗ trợ chương trình An sinh xã hội, góp phần ủng hộ giúp đỡ nhân dân các dân tộc vùng Tây Nguyên: 200 triệu đồng; Hưởng ứng chương trình "Nhịp cầu yêu thương" do Bộ GTVT phát động: 5 tỷ đồng với hình thức tổ chức đầu tư xây dựng 01 cầu treo dân sinh tại Lào Cai (cầu Sín Chải II tại thôn Sín Chải, xã Bản Khoang, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai); Hỗ trợ Chương trình gặp mặt kỷ niệm ngày thành lập đơn vị nữ C9: 5 triệu đồng; Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa phường Thành Công: 10 triệu đồng; Ủng hộ nhân dân tỉnh Quảng Ninh khắc phục lũ lụt, thiên tai: 300 triệu đồng; Ủng hộ cho công tác an sinh TP Hà Nội: 50 triệu; Đóng góp quỹ XH từ thiện do Bộ GTVT phát động: 200 triệu,...

- Chính nhờ những việc làm trên đã khẳng định thương hiệu "Doanh nghiệp vì cộng đồng" và góp phần tích cực vào việc xây dựng, quảng bá hình ảnh, thương hiệu vì cộng đồng của Cienco1.

1.3 Đánh giá kết quả SXKD năm 2015

a. Những mục tiêu đạt được

Tuy còn nhiều khó khăn, nhưng kết quả các mặt công tác trong năm 2015 của Tổng công ty đều đạt khá tốt, tiếp tục phát triển vững chắc, **được Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam xếp hạng trong TOP 10 thương hiệu Việt uy tín năm 2015 và được xếp hạng 170 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2015 do báo Vietnamnet phối hợp với Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam bình trọn**.

Kết quả SXKD năm 2015 của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năn 2015 đều đạt, nổi bật ở những nội dung sau:

+ Hoàn thành đạt các yêu cầu, chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Hội đồng quản trị Tổng công ty đề ra. Nhiều chỉ tiêu vượt cao như: Doanh thu, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận/VĐL,...

+ Kiểm soát thực hiện kế hoạch xuyên suốt, có hệ thống và hiệu quả. Sử dụng hiệu quả dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh, các chỉ số về tài chính an toàn lành mạnh.

+ Các dự án thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ, an toàn, mỹ quan và hiệu quả. Nhờ đó làm cho thương hiệu của Cienco1 ngày càng được nâng cao.

+ Thoái vốn ở các đơn vị có vốn góp đúng tiến độ, lộ trình mà Hội đồng quản trị đề ra, đồng thời bảo toàn và có lãi khi thoái vốn.

b. Một số tồn tại và rủi ro:

+ Giá trị thắng thầu năm 2015 đạt thấp, cho nên quỹ công việc còn lại cho năm 2016 chỉ được gần 3.000 tỷ đã tạo ra áp lực tìm kiếm công ăn việc làm năm 2016 để tạo quỹ công việc cho năm 2016 và các năm tiếp theo là rất lớn.

+ Năng lực điều hành của một số Ban điều hành còn hạn chế và một số đơn vị đôi lúc chưa quan tâm đúng mức nên tiến độ một số dự án tuy chưa chậm, nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu mà Lãnh đạo Tổng công ty đề ra.

+ Năm 2015 Tổng công ty cũng gặp phải một số rủi ro khi triển khai các dự án như sau:

- Thời tiết diễn biến bất thường làm ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD (mưa xuân kéo dài ảnh hưởng đến công tác thi công đường; mùa hè nóng trên 40 độ kéo dài làm ảnh hưởng đến năng xuất và sức khỏe của CBCNV);

- Mặt bằng thi công một số gói thầu chậm bàn giao làm ảnh hưởng đến tiến độ và gây lãng phí cho việc huy động thiết bị và nhân lực ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Tổng công ty;

- Một số dự án Chủ đầu tư chậm thanh toán, nhất là phần trượt giá, hoàn thuế, khối lượng phát sinh đã làm ảnh hưởng đến dòng tiền phục vụ thi công và kết quả SXKD của Tổng công ty.

2. Kế hoạch SXKD năm 2016 và biện pháp thực hiện

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế, cùng với thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, Ban tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và các giải pháp thực hiện như sau:

2.1 Một số chỉ tiêu chủ yếu và các công tác trọng tâm:

a. Một số chỉ tiêu chính:

(Đvt: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị kế hoạch năm 2016
1	Vốn điều lệ	700.000
2	Giá trị sản lượng	5.000.000
3	Doanh thu	4.500.000
4	Tổng chi phí	4.411.646
5	Lợi nhuận trước thuế	88.353,6
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.400,72
7	Lợi nhuận sau thuế	71.952,88

b. Các công tác trọng tâm:

Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, các mặt công tác để đạt và vượt các chỉ tiêu của Đại Hội đồng cổ đông yêu cầu, chú trọng các mặt công tác sau:

b.1 Tăng cường công tác thị trường, mở rộng phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, nhằm tạo đủ quỹ công việc cho năm 2016 và các năm tiếp theo. Đẩy mạnh công tác đầu tư các công trình hạ tầng giao thông, quản lý chặt chẽ các dự án đã đầu tư BOT đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

b.2 Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, nhất là các dự án phải hoàn thành trong năm 2016 và các dự án có tiến độ gãng. Chỉ đạo đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thi công ở các dự án.

b.3 Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ, đặc biệt là các dự án đã hoàn thành bàn giao.

b.4 Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên trên tất cả các mặt, hướng tới phát triển theo chiều sâu, tăng năng suất lao động có tính bền vững. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tối đa năng lực thiết bị thi công, các công nghệ và nguồn đầu tư của tổng công ty để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, chiếm lĩnh thị trường. Đi đầu trong việc áp dụng khoa học và công nghệ mới, hiện đại vào sản xuất kinh doanh.

2.2 Biện pháp tổ chức thực hiện

a. Công tác chỉ đạo điều hành

a1. Các dự án đã hoàn thành đưa vào khai thác

Các gói thầu đã hoàn thành đưa vào khai thác như: Gói CP1A, CP1C, CP4, CP3B – dự án đường sắt; gói thầu A5 - dự án cao tốc NB – LC; Nút giao Láng – Hòa lạc; cầu Đông Trù; gói thầu 10A – Nhà ga T2 NB; gói thầu số 03 – dự án đường nối NT – NB; cầu Hạc Trì; gói EX5, EX19A, EX1B – dự án cao tốc HN-HP; nút giao Ngã ba Huế; dự án nâng cấp đường cao tốc Pháp Vân – Cầu Giẽ; cầu Cổ Chiên; cầu Ông Cộ; gói 12,13,14 – dự án mở rộng QL1A đoạn qua tỉnh Bình Định, gói TN1&TN3 – dự án cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; nút giao Long Biên; cầu Hòa trung; cầu Rạch Chiếc, ...Cần tập trung hoàn thành xong dứt điểm các phần việc tồn tại và phát sinh nếu có. Đồng thời phải quyết liệt công tác thanh quyết toán với Chủ đầu tư và Nhà thầu chính để có vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

a2. Các dự án hoàn thành trong năm 2016

Huy động tối đa nhân lực, vật tư thiết bị và tài chính, tập trung chỉ đạo quyết liệt các dự án sau để về đích đúng yêu cầu:

+ Cầu Ghềnh – Đồng Nai: Hoàn thành 30/06/2016;

+ Cầu Chrey Thom/Long Bình: Toàn dự án hoàn thành tháng 8/2016;

+ Gói thầu số 2&3 – dự án tuyến tránh TP Phủ Lý: Hoàn thành 30/06/2016;

+ Cầu Sông Chanh: Hoàn thành tháng 8/2016;

+ Gói thầu số 1&7 – dự án cao tốc ĐN-QN: Hoàn thành 30/12/2016;

+ Cầu Vàm Cống: Hoàn thành các hạng mục chính vào 30/12/2016; các hạng mục khác như: Bờ bò lan can, chống thấm, thảm nhựa, cảnh quan,...hoàn thành năm 2017.

a3. Các dự án khác

Đối với các dự án đang thi công có tiến độ không găng, hoặc chưa vào giai đoạn cuối như: Cầu Bạch Đằng; dự án đường sắt đô thị đoạn Nhổn – Ga Hà Nội; cầu SeKong, tuyến tránh Thanh Hóa,...Cần đẩy nhanh tiến độ để tăng sản lượng và làm chủ được tiến độ hợp đồng.

b. Công tác hoàn thiện thể chế, sắp xếp, đổi mới cơ cấu tổ chức hoạt động

+ Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoàn thiện thể chế hoạt động của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện

các quy định nội bộ, các cơ chế đảm bảo sự vận hành của toàn Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn môi trường hoạt động tại Việt Nam.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức, tăng cường và nâng cao hiệu quả bộ máy tại Tổng công ty đảm bảo chức năng nhiệm vụ vừa trực tiếp chỉ đạo SXKD của Tổng công ty, vừa quản lý phần vốn góp tại các Công ty con, Công ty liên kết. Rà soát lại định biên các các nhân sự trong bộ máy theo hướng tinh gọn và hiệu quả.

+ Nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị thành viên theo mục tiêu: "Năng xuất, chất lượng, hiệu quả", từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị trên thị trường. Tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong hoạt động SXKD của các đơn vị.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thông qua việc thực hiện chức năng của cổ đông, của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để khắc phục những yếu kém trong công tác điều hành của các đơn vị thành viên nhằm mục tiêu quản lý bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty và vốn đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết.

c. Công tác thị trường và đầu tư xây lắp:

Hiện tại quỹ công việc năm 2016 còn không nhiều, vì vậy công tác thị trường và đầu tư xây lắp được xác định là công tác trọng tâm số một, quyết định việc hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra của năm. Định hướng của công tác thị trường là:

+ Tập trung vào các dự án nguồn vốn ODA như JICA, EDCF, WB, ADB,...

+ Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước.

+ Tiếp tục tham gia đầu tư các dự án theo mô hình PPP với các hình thức BOT, BTO, BT, BOO, O&M,…

+ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thị trường tại hai thị trường nước ngoài truyền thống là Lào và Campuchia. Tiếp cận và mở rộng thị trường nước ngoài mới như Myanamr,…

Để đảm bảo có đủ quỹ công việc, công tác thị trường năm 2016 phấn đấu thắng thầu từ 5.000- 6.000 tỷ đồng, tập trung vào các dự án sau:

c1. Dự án đấu thầu:

+ Ga Ngọc Hồi;

+ Gói 3 – Metro Line2 - Hà Nội;

+ Gói EX1A giai đoạn 2 – dự án cao tốc HN-HP;

+ Gói A5,6,7 – dự án cao tốc Bến Lức – Long Thành;

+ Cầu Bách Lẫm – Yên Bái;

+ Cầu Tình Húc – Tuyên Quang;

+ Cầu Thịnh Long;

+ Cầu Bến Tượng;

+ Dự án đường nối cao tốc NB-LC đi Sa Pa;

+ Đường trục TP Hải Phòng;

+ Tuyến Tân Vạn – Nhơn Trạch;

+ Các gói thầu cải tạo QL6;

+ Các gói thầu Metro tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh;

+ Các gói thầu tại Lào, Campuchia, Myanma;

....

c2. Các dự án đầu tư xây lắp

+ Cầu Đuống mới;

+ Cầu Đống Cao – Nam Định;

+ Ga Đà Nẵng;

+ Cao tốc Nha Trang – Phan Thiết;

+ Cao tốc Mỹ Thuận – Cần Thơ;

+ Cao tốc TP Hồ Chí Minh – Mộc Bài;

+ Các dự án tại Đà Nẵng;

+ Đường vành đai 2 TP Hồ Chí Minh;

+ Sân bay Lào Cai;

.....

d. Công tác kế hoạch:

+ Quản lý chặt chẽ khối lượng tại các dự án, có giải pháp kịp thời đảm bảo sản lượng, doanh thu. Chỉ đạo và trực tiếp giải quyết các vướng mắc về công tác nghiệm thu thanh toán, trượt giá, đáp ứng yêu cầu dòng tiền để các dự án thi công thông suốt và hiệu quả.

+ Có giải pháp quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ: Rà soát lại toàn bộ công nợ tại các dự án, phân tích chi tiết cơ cấu, thành phần các khoản nợ để có giải pháp trong công tác thu hồi công nợ với các dự án đã hoàn thành và quyết toán dứt điểm với Chủ đầu tư.

+ Đối chiếu quyết toán nội bộ: Đối chiếu khối lượng, giá trị được hưởng để quyết toán cho các đơn vị tại các dự án đã hoàn thành.

e. Công tác tài chính:

Phát huy và vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quản lý năm 2015, năm 2016 công tác tài chính tập trung các nội dung sau:

+ Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý các nguồn tiền tạm ứng, thanh toán để luân chuyển một cách khoa học, hiệu quả và đảm bảo đủ vốn cho các dự án.

+ Tăng cường năng lực tài chính bằng việc thực hiện các giải pháp huy động vốn qua các tổ chức tín dụng, sàn giao dịch chứng khoán, thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu.

+ Tiếp tục đầu tư cho các dự án BOT mà Tổng công ty đang tham gia, chuẩn bị đủ nguồn vốn để tham gia vào các dự án mà Tổng công ty đầu tư trong thời gian tới.

+ Tăng cường công tác tổ chức hạch toán kế toán từ Tổng công ty đến các đơn vị hạch toán phụ thuộc: Quản lý doanh thu, chi phí, giá thành công trình,...

f. Công tác kỹ thuật công nghệ và An toàn lao động:

+ Công tác kỹ thuật công nghệ:

Là đơn vị luôn đi đầu trong công tác ứng dụng khoa học của ngành, thời gian qua TCT đã đạt được nhiều danh hiệu về ứng dụng khoa học công nghệ, giải thưởng công trình chất lượng cao. Năm 2016, công tác kỹ thuật công nghệ tập trung vào những nội dung sau:

- Hoàn thiện và tổng kết các công nghệ mới, nhất là các công nghệ vừa thực hiện thành công trong năm qua như: Công nghệ khoan cọc đường kính 2,5m sâu 120m tại cầu Vàm Cống; Công nghệ lắp đặt ray hàn liền (200m) trên dầm bê tông tại gói thầu CP1A&CP4 dự án đường sắt; Công nghệ thi công CDM LODIC, CSM và thi công nền đường bằng các khối gia cường lưới địa kỹ thuật tại gói thầu CP1A dự án đường sắt để hướng dẫn phổ biến cho các đơn vị trong Tổng công ty.

- Quản lý chặt chẽ quy trình kỹ thuật thi công, theo dõi sát sao tiến độ, tháo gỡ kịp thời các vướng mắc kỹ thuật trong quá trình thi công. Tiếp tục chỉ đạo các công nghệ mới đang thực hiện: Thi công thân trụ tháp bằng ván khuôn leo tại cầu Vàm Cống. Nghiên cứu công nghệ RA-chống hằn lún mặt đường để áp dụng triển khai.

- Thẩm tra, thẩm định: Thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế biện pháp thi công các dự án của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục triển khai và kiểm tra chương trình quản lý chất lượng công trình: Từ khâu thiết kế biện pháp thi công, thí nghiệm vật liệu đầu vào, công nghệ thi công,...Đồng thời bố trí đủ lực lượng Kỹ sư có chuyên môn cao để chỉ đạo và giải quyết xử lý kịp thời các vướng mắc về kỹ thuật tại hiện trường.

- Tiếp tục liên danh hợp tác với các Công ty nắm giữ công nghệ tiên tiến trong thi công trên thế giới để ứng dụng vào các dự án của Tổng công ty.

+ Công tác An toàn lao động:

Với mục tiêu an toàn tuyệt đối tại các dự án, không có tai nạn lao động, tiếp tục chú trọng các nội dung sau:

- Tăng cường chỉ đạo và tổ chức kiểm tra thường xuyên công tác an toàn vệ sinh lao động – phòng chống cháy nổ, công tác an toàn lao động trên tất cả các công trường, biện pháp tổ chức thi công phải kèm theo giải pháp an toàn lao động.

- Tiếp tục tổ chức học và cấp chứng chỉ an toàn lao động cho người mới vào đơn vị, để 100% công nhân có chứng chỉ an toàn khi tham gia thi công.

- Kiểm tra và bổ sung kiện toàn mạng lưới an toàn viên, vệ sinh viên. Trang bị đầy đủ thuốc và các thiết bị y tế cần thiết cho cán bộ y tế tại công trường. Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng hộ cá nhân, nơi ăn ở đảm bảo vệ sinh cho người lao động.

g. Công tác đầu tư

+ Đầu tư thiết bị: Tiếp tục rà soát, cân đối nhiệm vụ SXKD tại các dự án để đầu tư đủ thiết bị thi công và nâng cao khả năng cạnh tranh của Tổng công ty. Đồng thời cần thống kê chi tiết hiệu quả công tác sử dụng thiết bị tại các dự án, đơn vị hạch toán phụ thuộc để đảm bảo hiệu quả cho Tổng công ty.

+ Đầu tư BOT: Tiếp tục đầu tư các dự án mà Tổng công ty tham gia theo lộ trình: dự án BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ, tuyến tránh TP Phủ Lý, cầu Bạch Đằng, đường tránh phía Tây TP Thanh Hóa. Đồng thời chuẩn bị đủ nguồn tài chính để đầu tư cho các dự án PPP tiếp theo trong thời gian tới.

h. Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông

h1. Công tác quản lý vốn

+ Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị tiến hành tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

+ Tổng hợp kết quả SXKD và hiệu quả đầu tư năm 2015 tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, để phân tích đánh giá cụ thể từng đơn vị.

+ Tổng hợp, đôn đốc việc nộp cổ tức của Tổng công ty tại các doanh nghiệp; Rà soát cập nhật lại nội dung quy chế quản lý vốn, phê duyệt ban hành để phù hợp với tình hình hiện tại.

h2. Công tác quan hệ cổ đông

+ Thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán (VSL); Xem xét việc đăng ký niêm yết cổ phiếu của TCT trên sàn giao dịch hoặc đang ký Upcom phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của TCT;

+ Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; Kiểm soát và xác nhận các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông phù hợp với quy định của luật chứng khoán;

+ Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCK và Website Tổng công ty phù hợp với quy định hiện hành.

h3. Công tác thoái vốn

+ Thực hiện thoái vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng chủ trương và Nghị quyết của HĐQT Tổng công ty, trước mắt tập trung thoái vốn tại: Trường trung cấp nghề công trình 1; Công ty Cung ứng LĐQT&DV; phần vốn góp (25%), quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty tại Công ty CP đầu tư hạ tầng FCC. Với các công ty liên kết khác, TCT sẽ tiến hành chào bán thỏa thuận trọn lô, ưu tiên thoái nhanh vốn tại các công ty: Công ty CP XDGT&TM 124, Công ty CP ĐT&XD 125, Công ty CP XDCT 15 – Cienco1, Công ty CP TVĐT&XDCT1 (Đắc Lắc);

+ Tiến hành chuyển đổi Chi nhánh miền Nam và chi nhánh Tây Nguyên thành Công ty cổ phần và thực hiện chuyển nhượng cho nhà đầu tư quan tâm;

+ Từng bước tiến hành cổ phần hóa các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trong đó Tổng công ty nắm quyền chi phối.

i. Công tác phát triển nguồn nhân lực

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và các kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác, đáp ứng được yêu cầu mục tiêu và phát triển của Tổng công ty.

+ Đầu tư có trọng điểm cho công tác đào tạo kỹ sư, cán bộ quản lý chuyên nghiệp, đội ngũ công nhân lành nghề. Tổ chức tuyển chọn cán bộ có năng lực, trình độ và phẩm chất chính trị cao đi đào tạo chuyên sâu các chuyên ngành trong và ngoài nước.

+ Tiếp tục cải thiện chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng với người lao động có trình độ, hiệu suất lao động cao nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Tổng công ty. Động viên khuyến khích người lao động nỗ lực học tập, nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp cùng Tổ chức Công đoàn, Đoàn TN động viên chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.

k. Xây dựng thương hiệu Tổng công ty

Tăng cường các hoạt động quảng bá thương hiệu Cienco1 và sử dụng các giải

pháp để kinh doanh thương hiệu, trước mắt tập trung vào các nội dung sau:

+ Tập trung chỉ đạo các công trình trọng điểm, hoàn thành chất lượng, tiến độ, hiệu quả, an toàn và mỹ thuật cao thông qua đó để quảng bá hình ảnh và khẳng định thương hiệu.

+ Tích cực tham gia các giải thưởng về chất lượng công trình của Nhà nước và ngành Giao thông tổ chức qua đó để quảng bá hình ảnh và thương hiệu.

+ Hợp tác kết hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí,.. để quảng bá hình ảnh và thương hiệu.

+ Tiếp tục duy trì và phát hành nội san Nhịp sống Cienco1 để tuyên truyền, cập nhật những sự kiện nổi bật, thông tin nội bộ, tuyên dương gương "Người tốt việc tốt" trong lao động sản xuất và công tác của CBCNVCLĐ toàn Tổng công ty. Qua đó để động viên khích lệ tinh thần lao động hăng say sản xuất của người lao động, đồng thời quảng bá thương hiệu của TCT.

+ Kết hợp với Tổ chức Công Đoàn, Đoàn TN và các tổ chức xã hội để tăng cường giáo dục Cán bộ, Công nhân viên nêu cao ý thức trách nhiệm xây dựng và bảo vệ hình ảnh thương hiệu của Tổng công ty.

l. Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

+ Tiếp tục xây dựng phong cách lao động có kỷ luật: Chấp hành nghiêm kỷ luật lao động và đặc biệt thực hiện nghiêm túc các quy trình, quy phạm kỹ thuật về chất lượng và an toàn trên các dự án và công xưởng.

+ Tiếp tục xây dựng văn hóa kinh doanh: Tôn trọng và hợp tác với khách hàng, bạn hàng. Trung thực và tự tin trong công việc và là đối tác tin cậy của khách hàng, bạn hàng.

+ Tiếp tục xây dựng phong cách văn minh và nếp sống văn hóa: Rèn luyện phong cách ứng xử văn minh cho mọi đối tượng, nhất là những đối tượng thường xuyên tiếp khách, giao tiếp với các đối tác trong và ngoài nước của Tổng công ty.

m. Phong trào thi đua và công tác an sinh xã hội vì cộng đồng

+ Tiếp tục chỉ đạo và phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

+ Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên TCT lập kế hoạch và triển khai, tổ chức phát động thi đua ngay từ đầu năm, từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên với những hoạt động cụ thể thiết thực nhất, với phương châm hành động của ngành GTVT năm 2016 là:: "Chủ động, sáng tạo, quyết liệt, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng".

+ Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn TN tiếp tục tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm để tạo khí thế sôi nổi trong phong trào thi đua LĐSX, góp phần tạo sự sôi động trong đời sống tinh thần của CBCNVC-LĐ toàn Tổng công ty.

+ Tích cực hưởng ứng và tham gia đầy đủ các hoạt động xã hội do Bộ GTVT, công đoàn GTVT Việt Nam và các tổ chức khác phát động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TCT

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của TCT trong năm 2015

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHĐCĐ 2015	Thực hiện 2015	So với NQ ĐHĐCĐ
1	Vốn điều lệ	700.000	700.000	100%
2	Giá trị sản lượng	5.232.400	4.818.397	92,09%
3	Doanh thu	4.409.553	4.916.064	111,49%
4	Thu nhập khác	-	85.095	-
5	Tổng chi phí	4.329.672	4.904.920	113,29%
6	Lợi nhuận trước thuế	83.047,9	96.239	115,88%
7	Thuế TNDN	18.270,5	18.980	103,88%
8	Lợi nhuận sau thuế	64.777,4	77.259	119,27%
9	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	9,25%	11,04%	119,35%
10	Cổ tức	8%	9%	112,50%

*** Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn SXKD của công ty mẹ:**

- Cơ cấu tài sản (%)

+ Tài sản cố định/Tổng tài sản: 3,35%

+ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản: 82,74%

- Cơ cấu nguồn vốn (%):

+ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn: 79,60%

+ Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn: 20,40%

- Khả năng thanh toán (lần):

+ Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn: 0,84

+ Khả năng thanh toán hiện hành = TSLĐ/Nợ ngắn hạn: 1,14

- Tỷ suất lợi nhuận (%):

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản: 2,50%

+ Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu: 1,96%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 9,82%

Từ các kết quả trên, có nhận xét đánh giá như sau: Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển. Hiệu quả sản xuất kinh doanh được đảm bảo. Lợi nhuận trước thuế đạt 96,24 tỷ đồng, bằng 115,88% và cổ tức đạt 10%, bằng 125% Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

b. Công tác đầu tư

b.1 Đầu tư vào các dự án BOT

TT	Dự án	Phải góp theo cam kết (triệu đồng)	Thực góp đến 10/3/2015 (triệu đồng)	Còn phải góp theo cam kết (triệu đồng)
	Tổng vốn đưa vào thực hiện các dự án BOT, BTO, BT	**443.872,58**	**384.154,98**	**59.717,6**
1	Dự án BOT Thanh Hóa (15%VĐL)	21.050,0	21.050,0	-
2	Dự án BOT cầu Cổ Chiên - Quốc lộ 60 (26%VĐL)	49.400,0	49.400,0	-
3	Dự án BOT cầu Việt Trì (20%VĐL)	53.000,0	45.532,4	7.467,6
4	Dự án BOT Pháp Vân-Cầu Giẽ (18% VĐL)	148.172,58	148.172,58	-
5	Dự án BOT tuyến tránh TP Phủ Lý (25% VĐL)	92.250,0	40.000,0	52.250,0
6	Dự án BOT Cầu Bạch Đằng (10%VĐL)	80.000,0	80.000,0	-

*** Đánh giá hiệu quả đầu tư:** Hiện tại các dự án đầu tư BOT đang triển khai đều đạt tiến độ, hiệu quả. Dự án BOT đường tránh TP Thanh Hóa, BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ, BOT cầu Việt Trì, BOT cầu Cổ Chiên đang tiến hành thu phí.

b.2 Đầu tư thiết bị và vật tư thi công

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	SL	Giá trị (đồng)	Đơn vị sử dụng
1	Bộ ván khuôn leo cầu Vàm Cống	Bộ	1	12.294.000.000	Công ty TCCG1
2	Xe Toyota Land Cruise VX 4.6	Chiếc	1	3.041.240.000	Tặng TW Đoàn
3	Xe Toyota Fortuner	Chiếc	1	1.058.327.273	CN phía Nam
4	Xe Toyota Land Cruise Prado	Chiếc	1	2.195.672.726	Công ty TCCG1
5	Máy toàn đạc điện tử	Chiếc	1	218.000.000	Công ty TCCG1
	Tổng cộng		**6**	**18.807.239.999**	

Ghi chú: Giá trị đã bao gồm thuế VAT 10% và các chi phí khác.

*** Đánh giá hiệu quả đầu tư thiết bị, vật tư thi công:** Các thiết bị đầu tư trong năm chủ yếu phục vụ cho lĩnh vực thi công cầu đường của Tổng công ty. Các thiết bị được đầu tư đã phát huy hiệu quả tốt, đặc biệt là bộ ván khuôn leo thi công cầu Vàm Cống.

c. Kết quả quản trị điều hành:

c1. Ngoài việc chỉ đạo hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh

theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, trong năm, HĐQT đã chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về tổ chức, hoạt động tạo khung pháp lý đầy đủ để CIENCO1 hoạt động hiệu quả theo mô hình công ty cổ phần. Cụ thể:

- Phê duyệt ban hành Quy trình Công bố thông tin;
- Phê duyệt ban hành Quy chế An toàn lao động – Vệ sinh môi trường;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Quản lý chất lượng;
- Phê duyệt ban hành Quy trình Quản lý sổ cổ đông;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Mua sắm thiết bị vật tư;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Quản lý thiết bị vật tư;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Hoạt động của đơn vị trực thuộc;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Quản lý vốn
- Phê duyệt ban hành Quy chế Quản lý Tài chính;
- Phê duyệt ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban ĐHDA;
- Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo lựa chọn đơn vị kiểm toán của CIENCO1 cho năm tài chính 2015 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

c2. Tiếp tục đổi mới và kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự của Tổng công ty theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành các quyết định bổ nhiệm và chấp thuận bổ nhiệm đối với các chức danh trong bộ máy điều hành của công ty Mẹ - Tổng công ty theo phân cấp, đổi tên phòng Quản lý vốn và thẩm định đầu tư thành phòng Quan hệ cổ đông, sáp nhập nguyên trạng phòng Đầu tư phát triển vào phòng Kế hoạch, quyết định cử Người đại diện và Người đại diện phụ trách chung tại các doanh nghiệp có vốn góp của TCT. Trong năm, HĐQT đã thay đổi chức danh Chủ tịch và Tổng giám đốc, cụ thể như sau: Ông Phạm Dũng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ đầu năm đến ngày 25/4/2015. Ông Nguyễn Ngọc Hoà giữ chức vụ Chủ tịch từ ngày 26/4/2015 đến ngày 10/10/2015. Chủ tịch HĐQT hiện nay là ông Cấn Hồng Lai. HĐQT đã bổ nhiệm ông Quách Bá Vương giữ chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 14/10/2015.

c3. Tiếp tục chỉ đạo công tác thương hiệu – truyền thông, qua đó thương hiệu CIENCO1 tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới với các chương trình và sự kiện nổi bật.

c4. Công tác thoái vốn: Trong năm, đã thoái thành công 100% phần vốn góp tại 06 đơn vị (Công ty CP Cầu 14, Tư vấn thí nghiệm, 120, Trading, 240, 242) và thoái một phần ở CP ĐTXD 125 (đã thoái 35,06%, còn 49% VĐL). Tổng giá trị theo mệnh giá là: **56.374.860.000 đồng**, tổng giá trị thu về: **82.143.490.000 đồng**, thu lợi trên **25,7 tỷ đồng**. Từ đầu năm 2016 đến nay đã thoái vốn thành công thêm 04 Công ty (Cty 248, 134, Trico, TECCO1), nâng tổng số đơn vị đã thoái vốn lên đến 25 Công ty. Tuy nhiên, việc thoái vốn một số doanh nghiệp khác không đạt được mục đích đề ra do chưa thống nhất được giá thoái.

c5. Tiếp tục chú trọng thị trường nước ngoài, đặc biệt là các dự án ở các nước bạn Lào và Campuchia. Tiếp cận mở rộng thị trường Srilanka và Myanmar.

c6. Công tác an sinh xã hội vì cộng đồng tiếp tục được triển khai đa dạng, có hiệu quả ở cả trong và ngoài nước, khẳng định thương hiệu "Doanh nghiệp vì cộng đồng" và góp phần tích cực vào việc xây dựng, quảng bá hình ảnh, thương hiệu vì cộng đồng của CIENCO1 như tài trợ và xây dựng cầu treo Sín Chải II (thôn Sín Chải, xã Bản Khoang, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai) 5,2 tỷ đồng, xây nhà nội trú cho học sinh xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn 2,1 tỷ đồng…

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc và bộ máy điều hành Tổng công ty

HĐQT đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc theo quy định tại Điều lệ, quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế Quản trị Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP và các quy định phân cấp, ủy quyền của HĐQT cho Ban Tổng giám đốc. Theo yêu cầu của HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã hoạch định, xây dựng và lập kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể trong từng thời kỳ của CIENCO1 và báo cáo HĐQT các nội dung trên.

Năm 2015, trước những diễn biến của thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã cụ thể hóa các chủ trương của ĐHĐCĐ, của HĐQT bằng những chương trình, những hành động, những giải pháp cụ thể để điều hành sản xuất kinh doanh. Công tác thị trường đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy tình hình kinh tế - xã hội, giá cả thị trường, sự cạnh tranh và khó khăn về vốn, có nhiều tác động không thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, nhưng Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã phát huy được những thuận lợi, thế mạnh của Tổng công ty, huy động mọi nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh; Đã chỉ đạo quyết liệt các dự án trọng điểm của Tổng công ty để hoàn thành đảm bảo đạt và vượt tiến độ, chất lượng. Các dự án đầu tư kinh doanh có hiệu quả, khẳng định được thương hiệu của TCT. Tình hình tài chính của TCT từng bước ổn định.

Tổng giám đốc và bộ máy điều hành đã bám sát chương trình đề ra, với sự đồng thuận, thống nhất, chỉ đạo quyết liệt, sát sao, đã giúp CIENCO1 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận vì lợi ích của các cổ đông và của Tổng công ty.

Tuy nhiên, còn tồn tại lớn nhất là công tác quyết toán các dự án với Chủ đầu tư còn chậm, công tác đòi nợ chưa quyết liệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2016

Chính phủ xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 là: *"Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước, năm 2016 cao hơn năm 2015"*.

Về hoạt động của ngành GTVT, phương châm hành động năm 2016 là: *"Chủ động, sáng tạo, quyết liệt, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng"*.

Trên cơ sở dự báo và lường đón những khó khăn, thách thức đến từ thị trường xây dựng hạ tầng GTVT, đồng thời nhận thức và xác định rõ vai trò, trách nhiệm của một Tổng công ty hàng đầu trong ngành GTVT, hướng tới mục tiêu trở thành Tập đoàn xây dựng GTVT hàng đầu, có quy mô và các chỉ số đáp ứng chuẩn mực và thông lệ quốc tế, đồng thời tích cực triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông tin tưởng giao phó, HĐQT CIENCO1 xác định trọng tâm chỉ đạo

điều hành năm 2016 như sau:

3.1 Thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016
1	Vốn điều lệ	700.000
2	Giá trị sản lượng	5.000.000
3	Doanh thu	4.500.000
4	Chi phí	4.411.646
5	Lợi nhuận trước thuế	88.353,6
6	Thuế TNDN	16.400,72
7	Lợi nhuận sau thuế	71.952,88
8	Cổ tức	9%

3.2 Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện hoàn thiện thể chế hoạt động của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP, trong đó tập trung vào việc hoàn thiện các quy định nội bộ, các cơ chế đảm bảo sự vận hành của toàn TCT theo đúng quy định của Pháp luật và tiệm cận với thông lệ quốc tế, phù hợp với thực tiễn môi trường hoạt động tại Việt Nam;

3.3 Tăng cường năng lực tài chính bằng việc thực hiện các giải pháp huy động vốn qua sàn giao dịch chứng khoán, thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu;

3.4 Bám sát diễn biến của thị trường, thực hiện thoái vốn các doanh nghiệp theo từng giai đoạn, đảm bảo lộ trình đã được phê duyệt;

3.5 Tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giám sát triển khai đề án tái cơ cấu các công ty con, công ty liên kết;

3.6 Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác phát triển nguồn nhân lực; hoàn thiện khung chương trình đào tạo theo chức danh, xây dựng khung năng lực và hoàn thiện tiêu chí đánh giá cán bộ toàn diện, đồng bộ; tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương theo vị trí công việc…

3.7 Tập trung chỉ đạo các dự án trọng điểm, nhất là các dự án phải hoàn thành trong năm 2016 và các dự án có tiến độ gãng. Chỉ đạo đảm bảo an toàn tuyệt đối trong thi công ở các dự án.

3.8 Đẩy mạnh công tác đầu tư các công trình hạ tầng giao thông. Quản lý chặt chẽ các dự án đã đầu tư BOT, đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

3.9 Tăng cường công tác thị trường, mở rộng phạm vi hoạt động trong và ngoài nước, nhằm tạo đủ quỹ công việc cho năm 2016 và các năm tiếp theo.

3.10 Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp thanh toán thu hồi công nợ từ các nguồn vốn.

3.11 Đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, hướng tới phát triển sản xuất theo chiều sâu, tăng năng suất lao động có tính bền vững. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tối đa năng lực thiết bị thi công, các công nghệ và nguồn đầu tư của TCT để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, chiếm lĩnh thị trường. Luôn đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến vào trong hoạt động SXKD.

3.12 Rà soát các quy định hiện hành để thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Tổng

công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và tiến hành thực hiện giao dịch niêm yết từ tháng 6/2016. Trong trường hợp không đủ điều kiện niêm yết thì chuyển sang giao dịch UPCOM.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY

TT	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ SH cổ phần có quyền biểu quyết		Số lượng chức danh HĐQT tại DN khác	Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Cấn Hồng Lai	CT HĐQT	4.100	0,0059%	01	
2	Phạm Văn Diệt	PCT HĐQT	-	-	01	
3	Nguyễn Ngọc Hòa	UV.HĐQT, P.TGĐ	7.000	0,0100%	01	
4	Phạm Việt Khoa	UV. HĐQT	-	-	03	
5	Vương Đức Thọ	UV. HĐQT, P.TGĐ	5.600	0,008%	02	

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

c. Hoạt động của HĐQT

Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (CIENCO1) đã tổ chức 6 cuộc họp. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty đã tổ chức thực hiện tổng cộng 97 đợt lấy ý kiến các thành viên HĐQT nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động, kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp với những vấn đề trọng điểm của TCT. Các cuộc họp của HĐQT tập trung vào một số vấn đề chính như sau:

- Chỉ đạo hoàn thiện bộ máy tổ chức, nhân sự để tăng cường năng lực lãnh đạo và quản lý của CIENCO1.
- Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản để CIENCO1 hoạt động hiệu quả theo mô hình công ty cổ phần.
- Chỉ đạo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của HĐQT định kỳ hàng quý.

Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành tổng cộng 138 văn bản, trong đó có 7 Nghị quyết, 131 Quyết định quan trọng, liên quan đến công tác quản trị thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Các Nghị quyết/quyết định của HĐQT – (Xem phụ lục đính kèm)

Các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm theo điều lệ và Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể:

– Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo đúng Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của CIENCO1 và các cổ đông;

– Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả SXKD, góp phần vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch SXKD của CIENCO1 trong từng thời kỳ;

– Tham dự các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung phiên họp; chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình;

– Triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT phù hợp với Điều lệ CIENCO1 và quy định của Pháp luật;

– Yêu cầu Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, người quản lý của các đơn vị trực thuộc CIENCO1 cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, đánh giá hoạt động SXKD của CIENCO và các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của mình;

– Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ và HĐQT về các hoạt động của mình, đồng thời công khai các lợi ích liên quan theo quy định;

Ngoài ra, theo phân công nội bộ của HĐQT, các thành viên đã đảm nhận và hoàn thành các nội dung được phân công. Cụ thể như sau:

(1). **Chủ tịch HĐQT Cấn Hồng Lai**: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐQT được ghi trong Điều lệ và Quy chế hoạt động của Tổng công ty; Theo dõi, chỉ đạo và giám sát chiến lược phát triển TCT, công tác tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, thị trường, truyền thông, quan hệ cổ đông.

(2). **Phó chủ tịch HĐQT Phạm Văn Diệt**: Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phó chủ tịch HĐQT. Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý vốn đầu tư tài chính; Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý điều hành khối xây dựng cầu cảng.

(3). **Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ Vương Đức Thọ**: Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác quản lý điều hành khối xây dựng đường bộ, đường sắt, sân bay;

(4). **Ủy viên HĐQT, Phó TGĐ Nguyễn Ngọc Hoà**: Theo dõi, chỉ đạo và giám sát công tác đầu tư phục vụ SXKD, kế hoạch, kỹ thuật công nghệ và an toàn lao động.

(5). **Ủy viên HĐQT Phạm Việt Khoa**: Theo dõi, chỉ đạo công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế; Theo dõi, chỉ đạo mở rộng và phát triển công nghệ xử lý nền móng và công trình ngầm

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

- Ông Phạm Việt Khoa: Tham gia chỉ đạo công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hợp tác quốc tế, chỉ đạo mở rộng và phát triển công nghệ xử lý nền móng và công trình ngầm. Tham gia công tác đầu tư các dự án BOT, PPP của Tổng công ty.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Tổng công ty không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

f. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: Ông Phạm Việt Khoa (Cấp chứng chỉ tháng 12/2014).

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của BKS

TT	Họ và Tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Cơ cấu
		Số CP	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Văn Long	38.180	0,0545%	Trưởng BKS
2	Vũ Việt Hùng	-	-	KSV
3	Đỗ Thúy Anh	-	-	KSV

b. Hoạt động của BKS năm 2015

b1. Các công tác đã thực hiện năm 2015

Năm 2015, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, trên nguyên tắc vì lợi ích của Tổng công ty và của cổ đông, thay mặt cổ đông kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty trên cơ sở quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các công việc cụ thể:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của Ban Kiểm soát;

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định;

- Tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị của Tổng công ty, các cuộc họp giao ban của Tổng công ty;

- Tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Tổng công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty năm 2015, như:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong năm 2015 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

+ Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong năm;

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;

+ Kiểm tra, thẩm định báo cáo kết quả SXKD, phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động SXKD của Tổng công ty;

+ Thẩm tra Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;

+ Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ với cổ đông: chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền của cổ đông, việc chi trả cổ tức cho các cổ đông, công tác chuyển nhượng cổ phần của cổ đông, v.v.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tổng công ty theo các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo các thông tin đến với cổ đông được đầy đủ, chính xác và kịp thời;

+ Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

b2. Kế hoạch định hướng năm 2016:

Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, năm 2016, Ban Kiểm soát thay mặt cổ đông của Tổng công ty thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty về mọi mặt, cụ thể:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, và đầu tư phát triển năm 2016 của Tổng công ty;

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2016;

- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động SXKD;

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính – kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực của các số liệu tài chính, thẩm định báo cáo tài chính năm 2016;

- Đưa ra các đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị và điều hành hoạt động của Tổng công ty trên cơ sở các kết quả kiểm tra, giám sát;

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

c. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm phù hợp với quy định

của pháp luật và của Tổng công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty như sau:

+ Phê duyệt và ban hành các quy chế, quy trình phục vụ công tác quản trị, điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty: Quy chế An toàn lao động – Vệ sinh môi trường; Quy chế quản lý chất lượng; Quy trình Công bố thông tin; Quy trình quản lý sổ cổ đông; Quy chế mua sắm thiết bị vật tư; Quy chế quản lý thiết bị vật tư; Quy chế Hoạt động của các đơn vị trực thuộc; Quy chế Quản lý vốn; Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành dự án.

+ Ban hành các quyết định phê duyệt tổ chức bộ máy của công ty mẹ;

+ Ban hành các quyết định bổ nhiệm và chấp thuận bổ nhiệm các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý tại công ty mẹ, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các ban điều hành dự án;

+ Phê duyệt các thủ tục liên quan đến triển khai dự án đầu tư.

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Hội đồng quản trị phối hợp tốt cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Tổng công ty góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

d. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2015, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp vẫn gặp nhiều khó khăn do sự phục hồi kinh tế từ cuộc khủng hoảng kinh tế diễn ra rất chậm. Tổng Giám đốc Tổng công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và đã hoàn thành tốt và vượt mức các chỉ tiêu quan trọng như: doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, thu nhập bình quân của người lao động … theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Công tác tài chính: Tổng công ty đã áp dụng các biện pháp quản lý, điều tiết tài chính một cách linh hoạt các nguồn tiền, đáp ứng kịp thời và hiệu quả nhu cầu về

vốn tại các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm nhưng gặp khó khăn về thanh toán từ Chủ đầu tư. Bên cạnh đó công tác nghiệm thu, thanh toán cũng được Tổng công ty thực hiện khá tốt, đảm bảo nhanh, hiệu quả, giải ngân kịp thời cho đơn vị thi công, giảm áp lực cho đơn vị trong việc thanh toán công nợ với nhà cung cấp, đảm bảo đời sống cho người lao động. Với nền tài chính ổn định, Tổng công ty vẫn luôn duy trì tốt và hiệu quả mối quan hệ với các tổ chức tín dụng cũng như với các Chủ đầu tư.

- Công tác đầu tư: Tiếp tục góp vốn đầu tư vào các dự án BOT theo đúng cam kết, các dự án này đều đang triển khai và đạt hiệu quả kinh tế; Trong năm 2015, Tổng công ty đã đầu tư hơn 18 tỷ Đồng mua sắm thiết bị, vật tư cho lĩnh vực thi công cầu đường, trong đó lớn nhất là bộ ván khuôn leo cầu Vàm Công – giá trị hơn 12 tỷ Đồng. Các thiết bị được đầu tư đã phát huy hiệu quả tốt.

- Công tác tổ chức nhân sự:

+ Ban điều hành Tổng công ty đã đề nghị Hội đồng quản trị phê duyệt thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự của Tổng công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý điều hành của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay;

+ Điều động, luân chuyển linh hoạt cán bộ từ các dự án đã kết thúc về các dự án mới;

+ Hoàn thiện và ban hành hệ thống văn bản quy định phục vụ hoạt động SXKD và công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty;

- Công tác quản lý vốn và quan hệ cổ đông:

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Đại hội đã bầu ra Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo Điều lệ của Tổng công ty cổ phần;

+ Thực hiện xong việc chi trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 10%, chia thành 2 đợt theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và Quyết định số 0172/QĐ-HĐQT ngày 13/5/2015 của Hội đồng quản trị. Chi trả đợt 1 (tỷ lệ 5%) vào ngày 25/5/2015 và đợt 2 (tỷ lệ 5%) vào ngày 16/6/2015;

+ Hoàn thành việc cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông và thực hiện việc xác nhận chuyển nhượng cổ phần đúng nguyên tắc, đúng thời hạn căn cứ trên Quy trình quản lý sổ cổ đông đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

+ Thực hiện tốt việc công bố thông tin theo đúng quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đối với công ty đại chúng quy mô lớn cũng như Quy trình Công bố thông tin của Tổng công ty đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời về những thông tin được công bố;

+ Trong năm 2015, tổng số tiền cổ tức được chia năm 2014 cho phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp đạt 7,094 tỷ đồng; Thực hiện thành công việc thoái 100% giá trị vốn góp của Tổng công ty tại 06 đơn vị và thoái một phần vốn góp

ở Công ty CP ĐT và XD 125-CIENCO 1 với tổng giá trị thu về là 82,143 tỷ đồng, thu lợi 25,769 tỷ đồng.

e. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015

e1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính:

- Báo cáo tài chính năm riêng năm 2015 và báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Báo cáo tài chính riêng năm 2015 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam – một trong bốn đơn vị được đề xuất và được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 để thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty;

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính riêng năm 2015 của Tổng công ty: ngoài hai ý kiến ngoại trừ: thứ nhất – số dư đầu kỳ do báo cáo tài chính trước đó được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác; thứ hai – việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn; và ý kiến nhấn mạnh liên quan đến bàn giao vốn nhà nước mà theo Ban Kiểm soát là không trọng yếu còn lại Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

e2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu trong năm 2015 như sau:

- Tổng sản lượng	:	4.818.397 Tr.Đ
- Tổng doanh thu:	:	4.916.064 Tr.Đ
- Các khoản thu nhập khác	:	85.095 Tr.Đ
- Tổng chi phí	:	4.904.920 Tr.Đ
- Lợi nhuận trước thuế	:	96.239 Tr.Đ
- Lợi nhuận sau thuế	:	77.259 Tr.Đ
- Cổ tức (dự kiến)	:	63.000 Tr.Đ (= 9% vốn góp)

Căn cứ vào các kết quả tổng hợp nêu trên, Tổng công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, trong đó:

- Giá trị sản lượng đạt 92,09% (không đạt so với Nghị quyết);

- Doanh thu đạt 111,49%;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 115,88%;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 119,27%

3. Các giao dịch, tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Kế toán trưởng năm 2015

(Đơn vị tính: Đồng)

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và thù lao trung bình (đồng/người/tháng)			Tổng thu nhập
			Tiền lương	Thù lao	Cộng	
1	Phạm Dũng	NCTHĐQT	46.974.419		46.974.419	187.897.677
2	Cấn Hồng Lai	CTHĐQT	50.000.000	7.777.778	57.777.778	220.000.000
3	Phạm Văn Diệt	PCT HĐQT		10.000.000	10.000.000	80.000.000
4	Nguyễn Ngọc Hòa	UVHĐQT – PTGĐ	48.759.679	7.142.857	55.902.536	293.798.395
5	Phạm Việt Khoa	UVHĐQT		8.333.333	8.333.333	100.000.000
6	Vương Đức Thọ	UVHĐQT – PTGĐ		10.000.000	10.000.000	80.000.000
7	Lê Văn Long	TBKS	29.236.255		29.236.255	350.835.062
8	Vũ Việt Hùng	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	36.000.000
9	Đỗ Thúy Anh	Thành viên BKS		3.000.000	3.000.000	24.000.000
10	Võ Thành Công	KTT	26.338.233		26.338.233	316.058.794

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Giao dịch cổ phiếu

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Ngọc Hòa		7.000	0,0100%	214.700	0,3067%	Mua
	Nguyễn Ngọc Hòa		214.700	0,3067%	7.000	0,0100%	Bán
2	Lê Văn Long		27.880	0,0398%	38.180	0,0545%	Mua
3	Đào Việt Tiến		5.300	0,0076%	101.500	0,1450%	Mua
4	Võ Thành Công		6.700	0,0096%	46.700	0,0667%	Mua

5	Đỗ Thúy Anh		5.100	0,0073%	0	0%	Bán
6	Cấn Thị Hạnh		5.300	0,0076%	85.900	0,1227%	Mua
7	Cấn Minh Đức		5.600	0,0080%	831.900	1,1884%	Mua
8	Cấn Thị Hiến		0	0%	154.900	0,2213%	Mua
9	Lê Văn Dần		6.400	0,0091%	44.900	0,0641%	Mua
10	Trần Trung Thành		6.700	0,0096%	165.700	0,2367%	Mua
11	Lê Huy Hùng		5.300	0,0076%	50.500	0,0721%	Mua
12	Đồng Xuân Trường		6.400	0,0091%	61.900	0,0884%	Mua
13	Nguyễn Văn Hoàn		6.000	0,0086%	8.000	0,0114%	Mua
14	Đỗ Hoàng Lê		5.700	0,0081%	15.700	0,0224%	Mua
15	Huỳnh Quang Tuấn		7.700	0,0110%	12.700	0,0181%	Mua

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Công ty CP Máy xây dựng Hassyu	Cổ đông CL	7.700.000	11%	0	0%	Bán
2	Công ty TNHH SX TM DV Yên Khánh	Cổ đông CL	24.903.534	35,5765%	20.003.534	28,5765%	Bán
3	Công ty TNHH Thiết bị xây dựng Hồng Hà	Cổ đông lớn	13.753.552	19,6479%	17.213.552	24,5908%	Mua
4	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Cổ đông lớn	3.550.000	5,0714%	6.990.000	9,9857%	Mua

5	Công ty CP Thương mại nước giải khát Khánh An	Cổ đông lớn	0	0%	4.900.000	7%	Mua

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Ý kiến kiểm toán tại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 – Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP: *Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015: Xem phụ lục đính kèm.

- Báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2015: Truy cập website của Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP (www.cienco1.com – chuyên mục Quan hệ cổ đông) hoặc trên cổng thông tin điện tử của UBCK nhà nước (www.ssc.gov.vn)

Nơi nhận:
- UBCK NN;
- HĐQT TCT (B/c);
- Ban kiểm soát (để biết);
- Tổng giám đốc;
- Website TCT;
- Lưu: VP, QHCĐ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 CÔNG TY CP

CẤN HỒNG LAI

TỔNG CÔNG TY XDCT GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP
623 La Thành - Ba Đình - Hà Nội

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại thời điểm 30/12/2015

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực KD chính	Vốn điều lệ DN (tr.đ)	Vốn TCT	
					Giá trị (đồng)	% Vốn ĐL
I	**CÔNG TY CON (VĐL > 50%)**			**78,337**	**42,626,710,000**	
1	Công ty CP Cầu 12 - Cienco1	463 đường Nguyễn Văn Linh, Phúc Đồng, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,…	48,500	24,541,000,000	50.60%
2	Công ty CP CKXD 121 - Cienco1	Số 2 đường Ngọc Lâm, Ngọc Lâm, Long Biên, HN	Sản xuất cơ khí, xây dựng cầu	12,637.224	6,419,710,000	50.80%
3	Công ty CP Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco1	Số 24 ngõ 55 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, HN	Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng đường bộ	17,200	11,666,000,000	67.82%
II	**CÔNG TY LIÊN KẾT (35% <VĐL < 50%)**			**53,000**	**25,320,000,000**	
1	Công ty CP TVĐT XDCT 1 (Đăk Lăk) - Cienco1	5/8 Cù Chính Lan, BMT, Đắc Lắc	Tư vấn thiết kế xây dựng công trình giao thông,…	4,500	2,205,000,000	49.00%
2	Công ty CP ĐT&XD 125 - Cienco1	168 đường Thành Thái, phường Đông Thọ, TP Thanh Hóa	Sản xuất vật liệu xây dựng	3,500	1,715,000,000	49.00%
3	Công ty CP XDCT 1	Số 77, tổ 23, phường Long Biên, Long Biên, HN	Xây dựng cầu,…	10,000	4,900,000,000	49.00%
4	Công ty CP XDGT & TM 124	Km12+500, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, HN	Xây dựng đường bộ	15,000	7,200,000,000	48.00%
5	Công ty CP ĐT & XDCT 128 - Cienco1	Số 24, phố Ao Sen, phường Mộ Lao, Hà Đông, HN	Xây dựng đường bộ	10,000	4,800,000,000	48.00%
6	Công ty CP XDCT 15 - Cienco1	Xóm 1A, cụm 11, Đông Ngạc, Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình giao thông	10,000	4,500,000,000	45.00%
III	**CÔNG TY LIÊN KẾT (VĐL < 35%)**			**501,906**	**82,437,721,250**	
1	Công ty CP TVĐT XDCTGT 1 - Cienco1	Số 2, ngách 34/4, ngõ 34, đường Nguyên Hồng, Láng Hạ, Đống Đa,	Tư vấn, khảo sát, thiết kế công trình giao thông	9,800	1,862,000,000	19.00%
2	Công ty CP ĐT&XDHT Alphanam	Tầng 3B, tòa nhà 47 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, HN	Xây dựng cầu đường	120,000	3,969,905,831	3.30%
3	Công ty CP TVĐT & XDVN (Vinacico)	Tầng 15, số 169 tòa nhà đa năng Nguyễn Ngọc Vũ, Trung Hòa, Cầu Giấy, HN	Tư vấn thiết kế cầu đường	9,995	2,590,000,000	25.91%

4	Công ty CP SXVL & XDCT 1	Ngõ Đình Làng Giao Quang, xã Đại Mỗ, Từ Liêm, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	7,801	2,571,000,000	32.96%
5	Công ty CP ĐTTM & XDGT 1 (Trico)	Số 548 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN	Xây dựng cầu đường	69,000	4,060,000,000	5.88%
6	Công ty CP ĐT&XDCT 134	Số 17, ngõ 575, Kim Mã, Ngọc Khánh, Ba Đình, HN	Xây dựng cầu đường	35,000	5,690,740,000	16.26%
7	Công ty CP SXVL & XDCT 119 - Cienco1	Tổ 13, TT Đông Anh, huyện Đông Anh, HN	Sản xuất vật liệu xây dựng	2,310.10	586,812,929	25.40%
8	Công ty CP phát triển ĐT&XD 115 - Cienco1	Số 204, tầng 2, tòa nhà CC 18T Hoàng Đạo Thúy	Sản xuất vật liệu xây dựng	6,000	1,263,234,000	21.05%
9	Công ty CP ĐTXD - Cienco1 (CIC)	Số 10 C8B Thành Công, Ba Đình, HN	Xây dựng dân dụng	7,000	2,350,000,000	33.57%
10	Công ty CP Xi Măng Mai Sơn	Tiểu khu Thành Công, xã Nà Pó, huyện Mai Sơn, đường tỉnh lộ 110 km số 5, tỉnh Sơn La	Sản xuất Xi măng	235,000	57,494,028,490	24.47%
IV	**CÔNG TY BOT**			**2,584,181**	**384,154,980,000**	
1	Công ty CP B.O.T Đường tránh Thanh Hóa	Tầng 2 tháp The Manor Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, HN	Xây dựng khai thác đường	137,000	21,050,000,000	15.35%
2	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên (Liên danh Cienco1 - Tuấn Lộc)	Số 362/14 đường Ung Văn Khiêm, P25, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	190,000	49,400,000,000	26.00%
3	Công ty CP BOT cầu Việt Trì (Cienco1 - Yên Khánh - Thái Sơn)	Tầng 4, tòa nhà Licogi 13, số 164 Khuất Duy Tiến, Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	265,000	45,532,400,000	17.18%
4	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC (Fecon - Conteccons - Cienco1)	Tầng 2 tháp CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, Nam Từ Liêm, HN	Xây dựng công trình ngầm	369,000	40,000,000,000	10.84%
5	Công ty CP BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (Liên danh Minh Phát - Cienco1 - Phương Thành)	Tầng 6, tòa nhà Minh Tâm, số 137C, Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, HN	Xây dựng, sữa chữa, nâng cấp, khai thác và chuyển giao đường	823,181	148,172,580,000	18.00%
6	Công ty BOT Cầu Bạch Đằng	Tầng 5, 623 La Thành, HN	Xây dựng, khai thác và chuyển giao cầu	800,000	80,000,000,000	10.00%
	TỔNG CỘNG			**3,217,424**	**534,539,411,250**	

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc ----------***----------

PHỤ LỤC 02: CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	045/NQ-HĐQT	01/15/2015	Tham gia góp vốn vào Liên danh nhà đầu tư thành lập Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng
2	052/NQ-HĐQT	01/16/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 10/01/2015
3	0320/NQ-HĐQT	04/10/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 03/04/2015
4	0161/NQ-ĐHĐCĐ	05/04/2015	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 vào ngày 25/4/2015
5	0392/NQ-HĐQT	05/06/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 04/05/2015, về việc: Thông qua BCTC đã được kiểm toán năm 2014
6	0531/NQ-HĐQT	06/04/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 20/5/2015
7	0906/NQ-HĐQT	10/10/2015	Nghị quyết phiên họp ngày 10/10/2015

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 – CÔNG TY CP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc ----------***----------

PHỤ LỤC 03: CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

TT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	05/01/2015	Giao nhiệm vụ cho ông Trần Văn Trọng giữ chức vụ Quyền Giám đốc công ty Xây dựng 123
2	03/QĐ-HĐQT	05/01/2015	Giao nhiệm vụ thi công và tỷ lệ thu quản lý phí cho XN Cầu 17 - CIENCO1 tại dự án Sekong trên tuyến NR16B Nam Lào
3	06/QĐ-HĐQT	06/01/2015	Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2013; Lao động kế hoạch, đơn giá tiền lương kế hoạch năm 2014 của người lao động TCT
4	018/QĐ-HĐQT	08/01/2015	Thành lập tổ cung cấp thông tin TCT
5	021/QĐ-HĐQT	12/01/2015	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh
6	022/QĐ-HĐQT	12/01/2015	Phân giao nhiệm vụ thi công và tỷ lệ thu quản lý phí cho các đơn vị thi công tại dự án xây dựng cầu Long Bình - Chrey Thom
7	024/QĐ-HĐQT	13/01/2015	Phân giao nhiệm vụ thi công và tỷ lệ thu quản lý phí cho các đơn vị thi công tại gói thầu số 2A – Thi công xây dựng nút giao thông Bắc Hồng (phần cầu vượt và đường dẫn đầu cầu) thuộc Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông đường đô thị Bắc Thăng Long – Vân Trì với tuyến đường sắt Bắc Hồng – Văn Điển
8	025/QĐ-HĐQT	13/01/2015	Phê duyệt mức lương đối với các chức danh quản lý của TCT
9	028/QĐ-HĐQT	15/01/2015	Tham gia góp vốn vào Liên danh nhà đầu tư thành lập Công ty CP BOT cầu Bạch Đằng
10	030/QĐ-HĐQT	19/01/2015	Chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP đường bộ 240 - CIENCO1
11	045/QĐ-HĐQT	27/01/2015	Chủ trương chế độ Tết Nguyên đán Ất Mùi
12	048/QĐ-HĐQT	04/02/2015	Thu chi phí quản lý phí hợp đồng thầu phụ thực hiện các công việc phát sinh và điều chỉnh khối lượng tại dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1

13	072/QĐ-HĐQT	27/02/2015	Đổi tên phòng thuộc TCT XDCTGT1 - Công ty CP
14	073/QĐ-HĐQT	27/02/2015	Chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc Ban điều hành thi công QL1, đoạn tránh TP Phủ Lý - CIENCO1
15	075/QĐ-HĐQT	02/03/2015	Chào bán (đợt 2) cổ phần của TCT tại Công ty CP Cầu 14 – CIENCO1
16	077/QĐ-HĐQT	03/03/2015	Ban hành quy trình công bố thông tin của TCT XDCTGT1 - Công ty CP
17	091/QĐ-HĐQT	04/03/2015	Giao nhiệm vụ thi công tại dự án tuyến tránh TP Phủ Lý và nâng cấp mặt đường QL1 từ Km215+775 – Km235+885 theo hình thức hợp đồng BOT
18	092/QĐ-HĐQT	05/03/2015	Phê duyệt dự án đầu tư ván khuôn leo cho Công ty TCCG1
19	093/QĐ-HĐQT	05/03/2015	Phê duyệt dự án đầu tư thiết bị thi công cho Công ty Xây dựng 123
20	094/QĐ-HĐQT	05/03/2015	Phê duyệt dự án đầu tư thiết bị thi công cho XN Xây dựng công trình CIENCO1
21	097/QĐ-HĐQT	11/03/2015	Chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP đường bộ 240 - CIENCO1 (bán lần 2)
22	101/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế An toàn lao động - Vệ sinh môi trường của TCT XDCTGT1 - Công ty CP
23	102/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế Quản lý chất lượng của TCT XDCTGT1 - Công ty CP
24	103/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế Mua sắm thiết bị vật tư
25	104/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế Quản lý thiết bị vật tư
26	105/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế hoạt động của đơn vị trực thuộc
27	106/QĐ-HĐQT	16/03/2015	Ban hành Quy chế Quản lý vốn
28	112/QĐ-HĐQT	23/03/2015	Thành lập Ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2015
29	119/QĐ-HĐQT	26/03/2015	Thanh lý xe ô tô cũ hiệu Mitsubishi Pajero BKS 29S-7496 và mua mới 01 xe Toyota Land Cruiser Prado phục vụ nhiệm vụ SXKD của Công ty Thi công cơ giới 1
30	0145/QĐ-HĐQT	15/04/2015	Phê duyệt phương án chào bán cổ phần của TCT tại Công ty CP đầu tư xây dựng và thương mại du lịch (chào bán đợt 2)
31	0146/QĐ-HĐQT	15/04/2015	Phê duyệt nhà cung cấp ván khuôn leo cho trụ PY1 cầu Vàm Cống theo hình thức chỉ định thầu và tự thực thiện

32	0155/QĐ-HĐQT	24/04/2015	Bổ sung thành viên Tổ kiểm phiếu - Bầu cử và nhân viên lễ tân phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2015
33	0162/QĐ-HĐQT	06/05/2015	Ủy quyền cho Công ty Xây dựng 123 tham gia Liên danh thực hiện gói thầu số 1, Dự án đầu tư xây dựng công trình khôi phục QL20
34	0168/QĐ-HĐQT	12/05/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Xi măng Mai Sơn
35	0169/QĐ-HĐQT	12/05/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Xi măng Mai Sơn
36	0172/QĐ-HĐQT	13/05/2015	Chi trả cổ tức năm 2014
37	0179/QĐ-HĐQT	25/05/2015	Phê duyệt tài trợ dự án xây dựng cầu treo Sín Chải II, thôn Sín Chải, xã Bản Khoang, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
38	0194/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 115 - CIENCO1
39	0195/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng 115 - CIENCO1
40	0196/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1
41	0197/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1
42	0198/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1
43	0199/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư & xây dựng công trình 134
44	0200/QĐ-HĐQT	29/05/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Đầu tư & xây dựng công trình 134
45	0205/QĐ-HĐQT	02/06/2015	Giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Ban ĐHDA Xây lắp gói thầu EX-19A - Lớp bê tông nhựa hạt mịn Polyme PMBIII dày 5cm và lớp tạo nhám từ Km0+000 - Km33+000, thuộc TCT XDCTGT1 - Công ty CP
46	0208/QĐ-HĐQT	04/06/2015	Giao nhiệm vụ cho ông Vũ Văn Liễu
47	0211/QĐ-HĐQT	09/06/2015	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014

48	0212/QĐ-HĐQT	09/06/2015	Thực hiện và thu quản lý phí gói thầu EX-19A - Lớp bê tông nhựa hạt mịn Polyme PMBIII dày 5cm và lớp tạo nhám từ Km0+000 - Km33+000, dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng
49	0215/QĐ-HĐQT	10/06/2015	Ban hành Quy chế quản lý Tài chính
50	0216/QĐ-HĐQT	10/06/2015	Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban ĐHDA
51	0221/QĐ-HĐQT	15/06/2015	Phê duyệt đơn vị thực hiện nhiệm vụ khảo sát lập Báo cáo đầu tư, Dự án Đầu tư xây dựng cầu Đuống mới và tuyến đường nối 2 đầu cầu
52	0223/QĐ-HĐQT	16/06/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Cầu 12 - CIENCO1
53	0224/QĐ-HĐQT	16/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Cầu 12 - CIENCO1
54	0225/QĐ-HĐQT	18/06/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng giao thông và thương mại 124
55	0226/QĐ-HĐQT	18/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng giao thông và thương mại 124
56	0227/QĐ-HĐQT	18/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Xây dựng giao thông và thương mại 124
57	0228/QĐ-HĐQT	18/06/2015	Thành lập tổ Định giá và thoái vốn
58	0235/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Giao nhiệm vụ thi công và tỷ lệ thu quản lý phí tại Dự án đầu tư xây dựng nút giao thông trung tâm quận Long Biên, TP Hà Nội
59	0236/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Giao nhiệm vụ thi công và tỷ lệ thu quản lý phí cho XN Cầu 17 - CIENCO1 tại Dự án thi công cầu Lưu Quang, xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
60	0237/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 - CIENCO1
61	0238/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 - CIENCO1
62	0239/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 - CIENCO1
63	0240/QĐ-HĐQT	25/06/2015	Ủy quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP Tư vấn thí nghiệm công trình giao thông 1 - CIENCO1

64	0244/QĐ-HĐQT	01/07/2015	Miễn nhiệm chức danh Quyền Giám đốc Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh TCT XDCTGT1 - Công ty CP đối với ông Trần Văn Trọng
65	0246/QĐ-HĐQT	01/07/2015	Bổ nhiệm ông Trần Anh Dũng giữ chức vụ Giám đốc Công ty Xây dựng 123
66	0247/QĐ-HĐQT	01/07/2015	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đội trưởng Đội Công trình thuộc XN Cầu 17 - CIENCO1
67	0248/QĐ-HĐQT	01/07/2015	Chấp thuận bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đội trưởng Đội Công trình thuộc XN Cầu 17 - CIENCO1
68	0260/QĐ-HĐQT	07/07/2015	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh
69	0261/QĐ-HĐQT	07/07/2015	Sửa chữa phòng làm việc của Chủ tịch HĐQT
70	0262/QĐ-HĐQT	09/07/2015	Bổ nhiệm ông Đinh Ngọc Đàn giữ chức vụ PTGĐ
71	0263/QĐ-HĐQT	09/07/2015	Bổ nhiệm ông Quách Bá Vương giữ chức vụ PTGĐ
72	0269/QĐ-HĐQT	22/07/2015	Chấp thuận cho ông Nguyễn Mạnh Tiến thôi giữ chức TP Thị trường TCT
73	0270/QĐ-HĐQT	22/07/2015	Thay đổi và cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty CPCKXD 121
74	0271/QĐ-HĐQT	22/07/2015	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2015
75	0274/QĐ-HĐQT	23/07/2015	Thanh lý xe ô tô Ford Escape 29S-0106
76	0275/QĐ-HĐQT	27/07/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
77	0276/QĐ-HĐQT	27/07/2015	Uỷ quyền cho ông Nguyễn Xuân Hải, đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
78	0277/QĐ-HĐQT	27/07/2015	Uỷ quyền cho ông Đinh Văn Thanh, đại diện phần vốn góp tại Công ty 121
79	0280/QĐ-HĐQT	28/07/2015	Ban hành quy trình quản lý sổ cổ đông của TCT
80	0284/QĐ-HĐQT	31/07/2015	Cử ông Đinh Ngọc Đàn, đại diện phần vốn tại Công ty CP BOT Thanh Hoá
81	0286/QĐ-HĐQT	04/08/2015	Cử ông Vương Đức Thọ, đại diện phần vốn tại Công ty CP Hạ tầng FCC
82	0287/QĐ-HĐQT	04/08/2015	Cử ông Nguyễn Duy Thắng, đại diện phần vốn tại Công ty CP BOT Cổ Chiên
83	0288/QĐ-HĐQT	04/08/2015	Cử ông Quách Bá Vương, đại diện phần vốn tại Công ty CP BOT Việt Trì
84	0291/QĐ-HĐQT	10/08/2015	Thay đổi và cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty 120

85	0292/QĐ-HĐQT	10/08/2015	Cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty BOT Việt Trì, FCC, Cổ Chiên, BOT Thanh Hoá
86	0330/QĐ-HĐQT	13/08/2015	Thay đổi người đại diện phần vốn góp tại Công ty 120
87	0331/QĐ-HĐQT	13/08/2015	Uỷ quyền cho người đại diện vốn tại Công ty 120
88	0332/QĐ-HĐQT	13/08/2015	Uỷ quyền cho người đại diện vốn tại Công ty 120
89	0333/QĐ-HĐQT	13/08/2015	Uỷ quyền cho người đại diện vốn tại Công ty 120
90	0358/QĐ-HĐQT	11/09/2015	Cử người đại diện phần vốn góp tại Công ty 128
91	0359/QĐ-HĐQT	14/09/2015	Uỷ quyền cho ông Lê Kế Phong, đại diện vốn tại Cty 128
92	0360/QĐ-HĐQT	14/09/2015	Uỷ quyền cho ông Vũ Văn Mạnh, đại diện vốn tại Cty 128
93	0362/QĐ-HĐQT	15/09/2015	Bổ sung thành viên Tổ Định giá và thoái vốn
94	0370/QĐ-HĐQT	24/09/2015	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty 128
95	0371/QĐ-HĐQT	24/09/2015	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty 125
96	0372/QĐ-HĐQT	24/09/2015	Phê duyệt vốn góp bổ sung để tăng vốn điều lệ tại Công ty CP BOT Thanh Hoá
97	0373/QĐ-HĐQT	25/09/2015	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng ở dự án cầu sông Chanh
98	0383/QĐ-HĐQT	05/10/2015	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty VINACICO
99	0384/QĐ-HĐQT	05/10/2015	Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty 119
100	389/QĐ-HĐQT	14/10/2015	QĐ về việc bổ nhiệm ông Vương Đức Thọ giữ chức vụ: Phó Tổng Giám đốc TCT XDCTGT1-CTCP
101	390/QĐ-HĐQT	14/10/2015	QĐ về việc bổ nhiệm ông Quách Bá Vương giữ chức vụ: Tổng Giám đốc TCT XDCTGT1 - Công ty CP
102	391/QĐ-HĐQT	14/10/2015	QĐ về việc bổ nhiệm ông Đào Việt Tiến giữ chức vụ: Phó Tổng Giám đốc TCT XDCTGT1 - CTCP
103	395/QĐ-HĐQT	27/10/2015	QĐ về việc "mua xe ô tô phục vụ SXKD"
104	398/QĐ-HĐQT	30/10/2015	QĐ về việc kiện toàn Tổ định giá và thoái vốn thuộc TCT XDCTGT1 - CTCP
105	401/QĐ-HĐQT	03/11/2015	QĐ về việc "uỷ quyền cho công ty XD 123 tham gia Liên danh thực hiện gói thầu RD4, Dự án ĐTXDCT đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1
106	402/QĐ-HĐQT	04/11/2015	QĐ sáp nhập nguyên trạng phòng Đầu tư phát triển vào phòng Kế hoạch TCT XDCTGT1-CTCP

107	403/QĐ-HĐQT	04/11/2015	QĐ về việc "chấp thuận đề xuất của người đại diện phần vốn góp TCT tại công ty CP XD ĐB 248-Cienco1
108	404/QĐ-HĐQT	05/11/2015	QĐ ban hành quy định chào bán cạnh tranh cổ phần của TCT tại Công ty CPSXVL và XDCT 119-CIENCO1
109	405/QĐ-HĐQT	05/11/2015	QĐ ban hành quy định chào bán cạnh tranh cổ phần của TCT tại Công ty CP ĐT và XD 125-CIENCO1
110	406/QĐ-HĐQT	05/11/2015	QĐ ban hành quy định chào bán cạnh tranh cổ phần của TCT tại Công ty CP ĐT và XDCT 128-CIENCO1
111	407/QĐ-HĐQT	05/11/2015	QĐ ban hành quy định chào bán cạnh tranh cổ phần của TCT tại Công ty CP TVĐT và XD Việt Nam
112	409/QĐ-HĐQT	09/11/2015	QĐ về việc kiện toàn HĐ thi đua khen thưởng TCT XDCTGT1-CTCP
113	410/QĐ-HĐQT	09/11/2015	QĐ bổ nhiệm ông Lê Huy Hùng giữ chức vụ: Giám đốc XN cầu 17-Cienco1
114	411/QĐ-HĐQT	13/11/2015	QĐ về việc thoái toàn bộ phần vốn góp của TCT tại Công ty CP xây dựng đường bộ 248-Cienco1
115	412/QĐ-HĐQT	16/11/2015	QĐ về việc chấp thuận bổ nhiệm Giám đốc BĐHDA cầu Vàm Cống
116	413/QĐ-HĐQT	16/11/2015	QĐ về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh
117	422/QĐ-HĐQT	30/11/2015	QĐ phê duyệt phương án chuyển nhượng trường Trung cấp nghề công trình 1
118	423/QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ về việc thay đổi người đại diện vốn góp tại Công ty CPXDCT1
119	424/QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ thay đổi đại diện phần vốn góp tại công ty CP SXVL&XDCT 119-Cienco1
120	425/QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ v/v cử người đại diện phụ trách phần vốn của TCT tại công ty con, công ty liên kết
121	426/QĐ-HĐQT	03/12/2015	QĐ v/v phê duyệt chủ trương thoái vốn của TCT tại Công ty CP TVTNCTGT1 và Công ty CP TVĐTXDCTGT1
122	428/QĐ-HĐQT	09/12/2015	QĐ về việc thoái toàn bộ phần vốn góp của TCT tại công ty đường bộ 248
123	429/QĐ-HĐQT	09/12/2015	QĐ v/v phê duyệt phương án thoái vốn của TCT tại Công ty CP TVĐTXDCTGT1

124	430/QĐ-HĐQT	10/12/2015	QĐ v/v phê duyệt phương án thoái vốn của TCT tại Công ty CP TVTNCTGT1
125	433/QĐ-HĐQT	14/12/2015	QĐ tham gia đầu tư thực hiện dự án đường vành đai phí Tây TP. Thanh Hoá
126	435/QĐ-HĐQT	18/12/2015	QĐ về việc "tạm ứng cổ tức năm 2015"
127	445/QĐ-HĐQT	22/12/2015	QĐ v/v Giao nhiệm vụ cho XN cầu 17 -Cienco1 thi công cầu Trà Khúc
128	447/QĐ-HĐQT	25/12/2015	QĐ v/v Chủ trương chế độ Tết Dương lịch 2016
129	448/QĐ-HĐQT	25/12/2015	QĐ kiểm tra chuyên đề tại TCCG1 và XN cầu 17
130	455/QĐ-HĐQT	28/12/2015	QĐ v/v uỷ quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP TVĐTXDCTGT1
131	456/QĐ-HĐQT	28/12/2015	QĐ v/v uỷ quyền cho người đại diện phần vốn góp tại Công ty CP TVĐTXDCTGT1

TỔNG CÔNG TY XD CT GIAO THÔNG 1 –
CÔNG TY CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04: GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ ĐKKD	Ngày cấp CMND/ ĐKKD	Nơi cấp CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu đến 30/6/2015	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu 30/6/2015	Ghi chú
1	**Cấn Hồng Lai**		**Chủ tịch HĐQT**	**012617579**	**6/06/2003**	**Công an Hà Nội**	**Số24A,Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà Nội**	**4.100**	**0,0059%**	
1.1	Cấn Minh Ngọc						Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội			Em
1.2	Cấn Thị Hòa						Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội			Em
1.3	Cấn Thị Hiến						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	154.900	0.2213%	Vợ
1.4	Cấn Thị Hạnh						5/60 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.	85.900	0,1227%	Con
1.5	Cấn Minh Đức						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	831.900	1,1884%	Con
1.6	Cấn Thị Hiếu						Số 24A, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội			Con
2	**Quách Bá Vương**		**Tổng giám đốc**	**012175995**	**8/8/2013**	**Công an Hà Nội**	**P108, KTT G9, Thanh Xuân Nam, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội**	**0**	**0**	
2.1	Quách Văn Ngự						Xã Cao Xá, huyện Phong Châu, Phú Thọ			Bố
2.2	Quách Thị Khang						Xã Cao Xá, huyện Phong Châu, Phú Thọ			Mẹ
2.3	Quách Thị Mai						P105 – KTT E2 Thanh			Chị gái

							Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội			
2.4	Quách Huy Hồng						Số nhà 16, Ngõ Ao Sen 7, Văn Mỗ, Hà Đông, Hà Nội			Anh trai
2.5	Quách Tân Công									Anh trai
2.6	Quách Thị Tố Nga						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội			Chị gái
2.7	Nguyễn Thị Thu Hiền						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội			Vợ
2.8	Quách Phú Trọng						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội			Con
2.9	Quách Nguyên Thảo						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội			Con
2.10	Quách Đức Thịnh						P108- KTT G9 Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội			Con
2.11	Công ty BOT cầu Việt Trì		Công ty liên kết	2600894271	25/11/2013	Sở KH&ĐT Phú Thọ	Tổ 2, Phố Phong Châu, Phường Bạch Hạc, TP. Việt Trì, Phú Thọ.			UVHĐ QT
3.	**Đinh Ngọc Đàn**		**Phó TGĐ**	**182136472**	**1/4/1995**	**Công an TP. Vinh**	**Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An**			
3.1	Đinh Tuấn Đức						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Bố
3.2	Nguyễn Thị Bảy						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Mẹ
3.3	Nguyễn Thị Ánh Tuyết						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Vợ
3.4	Đinh Thị Hà Trang						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Con
3.5	Đinh Ngọc Khôi						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Con

3.6	Đinh Thị Thanh Bình						Nhà C2, P.Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An			Chị gái
3.7	Đinh Thị Anh Đào						Khối 7, P.Lê Lợi, TP. Vinh, Nghệ An			Chị gái
3.8	Đinh Thị Thu Ngọc						Xã Hương Lộc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An			Em gái
3.9	Công ty CP BOT đường tránh Thanh Hóa		Công ty liên kết	0101596854	14/1/2008	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 2, tháp The Manor, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.			UV HĐQT
3.10	Công ty CP BOT Pháp Vân – Cầu Giẽ		Công ty liên kết	0106607820	24/7/2014	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 6, Tòa nhà Minh Tâm, số 137C đường Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, Hà Nội.			UV HĐQT
4	**Nguyễn Ngọc Hòa**		**UV HĐQT, Phó TGĐ**	**B4806367**	**3/06/2011**	**Cục QLXNC**	**Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội**	**7.000**	**0,01%**	
4.1	Nguyễn Tuấn Câu						22 Hoàng Ngân, Cầu Giấy, Hà Nội			Bố
4.2	Đinh Thị Hồng Vân						22 Hoàng Ngân, Cầu Giấy, Hà Nội			Mẹ
4.3	Đào Lệ Thu						Số 34-B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Vợ
4.4	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú						Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Con
4.5	Nguyễn Đình Khôi Nguyên						Số 34- B4 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Con
4.6	Nguyễn Thúy Hồng						10A Hai Bà Trưng , Hà Nội			Chị
4.7	Nguyễn Ngọc Ninh						Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội			Anh
4.8	Nguyễn Thị Bạch Yến						TP. Hải Dương, Hải Dương			Chị
4.9	Nguyễn Ngọc Đĩnh						22A Hai Bà Trưng, Hà Nội			Anh
4.10	Nguyễn Ngọc Bình						Thanh Miện, Hải Dương			Em
4.11	Công ty BOT Cầu Bạch Đằng		Công ty liên kết	5701745391	20/01/2015	Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Xã Liên Vị, TX. Quảng Yên, Quảng Ninh			Chủ tịch HĐQT

5	**Phạm Văn Diệt**		**Phó CT HĐQT**	**025668674**	**17/9/2012**	**Công an TP. HCM**	**462/63 Đường 3/2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh**	**0**	**0**	
5.1	Phạm Văn Mai						Bình Thuận			Cha
5.2	Trịnh Thị Be						Bình Thuận			Mẹ
5.3	Đăng Thị Tuyết Mai						Tiền Giang			Vợ
5.4	Phạm Đăng Thiên						TP. Hồ Chí Minh			Con
5.5	Phạm Đăng Thiên Di						TP. Hồ Chí Minh			Con
5.6	Phạm Văn Nam						Bình Thuận			Em
5.7	Phạm Thị Thu Thắng						Bình Thuận			Em
5.8	Phạm Thị Thu Khải						Bình Thuận			Em
6	**Vương Đức Thọ**		**UVHĐQT TP. Đầu tư**	**012788081**	**12/4/2012**	**Công an Hà Nội**	**5/60 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.**	**5.600**	**0.008%**	
6.1	Vương Đình Quý						Hòa Phong, Việt Trì, Phú Thọ			Bố
6.2	Nguyễn Thị Tân						Hòa Phong, Việt Trì, Phú Thọ			Mẹ
6.3	Cấn Thị Hạnh						5/60 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.	85.900	0,1227%	Vợ
6.4	Vương Quốc An						5/60 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.			Con
6.5	Vương Hạnh Nguyên						5/60 Linh Lang, Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội.			Con
6.6	Vương Thị Phương Hạnh						Thanh Lương, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Em gái
6.7	Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC		Công ty liên kết	0106605407	21/7/2014	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 2 Tháp CEO lô HH2-1 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.			UV HĐQT
7	**Phạm Việt Khoa**	**005C028083**	**UV HĐQT**	**036073000022**	**26/04/2013**	**Công an HN**	**Số 524CT4 KĐT Mỹ Đình – Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội**	**0**	**0**	
7.1	Phạm Hồng	026C013136		160773296	25/04/1998	Công an Nam Định	Yên Phú, Ý Yên, Nam Định			Bố
7.2	Hà Thị Tuyến			160861033	11/08/2003	Công an Nam Định	Yên Phú, Ý Yên, Nam Định			Mẹ
7.3	Lê Thị Thu Hà			B0455190	8/06/2006	Phòng	Số 524CT4 KĐT Mỹ Đình			Vợ

						XNC Hà Nội	– Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội			
7.4	Phạm Lê Hà Anh						Số 524CT4 KĐT Mỹ Đình – Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
7.5	Phạm Lê Hà An						Số 524CT4 KĐT Mỹ Đình – Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
7.6	Phạm Lê Lâm Anh						Số 524CT4 KĐT Mỹ Đình – Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
7.7	Phạm Quốc Hùng	005C063696		012419320	24/03/2001	Công an Hà Nội	112B1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Em trai
7.8	Phạm Thị Minh Hoa	005C063066		162237957	06/01/2009	Công an Nam Định	112B1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Em gái
7.9	Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON	021C136899		0101502599	18/06/2004	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 15, Tháp CEO, Lô HH 2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	7.000.000	10%	Chủ tịch HĐQT
7.10	Công ty CP hạ tầng Fecon (FCI)			106393689	18/12/2013	Sở KH&ĐT TP. Hà Nội	Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH 2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, Đ. Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.767.694	6.811%	Chủ tịch HĐQT
8	**Nguyễn Trường Long**		**Phó Tổng giám đốc**	**012654303**	**23/02/2013**	Công an Hà Nội	**2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**	**25.080**	**0,0358%**	
8.1	Đỗ Thị Hệt						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Mẹ
8.2	Đinh Thị Tuyết						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Vợ
8.3	Nguyễn Thu Hà						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
8.4	Nguyễn Tuấn Trung						2B, Ngách 189/98, Ngõ 171, Trung Hòa, Cầu			Con

							Giấy, Hà Nội			
8.5	Nguyễn Đình Minh						Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình			Anh
8.6	Nguyễn Đình Miễn						Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình			Em
9	**Nguyễn Duy Thắng**		**Phó Tổng giám đốc**	**012300030**	**29/10/1999**	**Công an Hà Nội**	**511, TT Đài phát tín TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội**	**6.600**	**0,0094%**	
9.1	Nguyễn Thị Hán						511, TT Đài phát tín TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Mẹ
9.2	Vũ Thị Nha Trang						511, TT Đài phát tín TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Vợ
9.3	Nguyễn Duy Thành						511, TT Đài phát tín TW, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
9.4	Nguyễn Thị Đức									Chị
9.5	Nguyễn Thị Hài									Chị
9.6	Nguyễn Thị Minh Hà									Chị
9.7	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và XD Việt Nam		Công ty liên kết	0100987206	1/02/2000	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Tầng 15, Tòa nhà đa năng, 169 Nguyễn Ngọc Vũ, P.Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.			UV HĐQT
9.8	Công ty CP Đầu tư Xây dựng – Cienco1		Công ty liên kết	0102973417	10/10/2008	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà 623 La Thành, Ba Đình, Hà Nội.			UV HĐQT
9.9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		Công ty liên kết	0312432358	26/8/2013	Sở KH&ĐT TP HCM	Số 362/14 đường Ung Văn Khiêm, P.25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM			UV HĐQT
10	**Lê Văn Long**		**Trưởng BKS**	**034070000071**	**15/07/2014**	**CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC**	**Số 96 Đình Đông, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, HN.**	**38.180**	**0.0545%**	
10.1	Lê Văn Toàn						Thái Bình			Bố
10.2	Lê Thị Vân						Thái Bình			Mẹ

10.3	Nguyễn Thị Mai Hương			012682910	21/03/2008	Công an Hà Nội	Số 96 Đình Đông, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, HN.			Vợ
10.4	Lê Đức Anh						Số 96 Đình Đông, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, HN.			Con
10.5	Lê Mai Anh						Số 96 Đình Đông, P. Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, HN.			Con
10.6	Lê Công Phê						Thái Bình			Em
10.7	Lê Thị Mai Lan						Thái Bình			Em
10.8	Lê Mạnh Hùng						Thái Bình			Em
10.9	Công ty CP phát triển ĐT&XD 115 – Cienco1		Công ty liên kết	5700100150	10/9/1998	Sở KH&ĐT TP.Hà Nội	Phòng 1208 Nhà CT6 KĐT Văn Khê, Hà Đông.			UV HĐQT
11	**Đỗ Thúy Anh**		**Thành viên BKS,**	**112060708**	**31/8/2011**	**Công an Hà Nội**	**Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội**	**0**	**0%**	
11.1	Đỗ Khắc Thảo						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội			Bố
11.2	Nguyễn Thị Xuân						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội			Mẹ
11.3	Cấn Huy Hoàng			111802594	6/7/2005	Công an Hà Nội	Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội			Chồng
11.4	Cấn Minh Phát						Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội			Con
11.5	Cấn Minh Trí						Lai thượng, Thạch thất, Hà Nội			Con
11.6	Đỗ Thị Kim Oanh						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội			Em
11.7	Đỗ Anh Tuấn						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội			Em
11.8	Đỗ Kiên Giang						Canh Mậu, Thạch Thất, Hà Nội			Em
12	**Vũ Việt Hùng**		**Thành Viên BKS**	**164122548**	**5/02/2001**	**Công an Ninh Bình**	**Phát Diệm, Kim Sơn, Ninh Bình**	**0**	**0**	
12.1	Vũ Ngọc Châu						Kim Sơn – Ninh Bình			Bố

12.2	Trần Thị Tuyết						Kim Sơn – Ninh Bình			Mẹ
12.3	Vũ Thanh Phương						Kim Sơn – Ninh Bình			Em
13	**Võ Thành Công**		**Kế toán trưởng**	**001075002405**	**16/9/2014**	**CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC**	**17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội**	**46.700**	**0,0667%**	
13.1	Nguyễn Thị Hồng Phương						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Vợ
13.2	Võ Việt Hương						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
13.3	Võ Thiệu Hiền						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
13.4	Võ Duy Anh						17 Tổ 8 Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
13.5	Võ Hồng Tiến									Anh
13.6	Võ Thăng Long									Anh
13.7	Công ty CP XDGT và Thương mại 124		Công ty liên kết	0103010866	31/03/2006	Sở KH&DDTT P. Hà Nội	Km 12+500 xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP.Hà Nội			UV HĐQT
13.8	Công ty CP công trình giao thông 118 - momota		Công ty liên kết	0101286002	14/01/2002	Sở KH&DDTT P. Hà Nội	421 Phan Bá Vành, TT Cầu Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội			Người đại diện vốn
13.9	Công ty CP Đầu tư Thương mại và XD Giao thông		Công ty liên kết	0100104732	2/07/2010		Số 548 Nguyễn Văn Cừ, Q.Long Biên, Hà Nội			Người đại diện vốn
14	**Lê Văn Dần**		**Giám đốc chi nhánh – Công ty TCCG1**	**038074000039**	**27/02/2014**	**CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC**	**P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Niêm, TP. Hà Nội**	**44.900**	**0,0641%**	
14.1	Lê Thị Bao						Đội 1, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa			Mẹ
14.2	Phạm Thị Thanh Hương						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Niêm, TP. Hà Nội			Vợ

14.3	Lê Văn Dũng						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Niêm, TP. Hà Nội			Con
14.4	Lê Linh Chi						P403, Khối 2 Nhà C6, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Niêm, TP. Hà Nội			Con
14.5	Lê Thị Mai						Đội 9, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa			Chị
14.6	Lê Văn Bính						Đội 1, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa			Anh
14.7	Lê Thị Thân						Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa			Chị
14.8	Lê Thị Hợi						Đội 9, Đông Hoàng, Đông Sơn, Thanh Hóa			Chị
15	**Trần Trung Thành**		**Giám đốc Chi nhánh – Xí nghiệp Cầu 18**	**012537314**	**25/06/2009**	**Công an Hà Nội**	**Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội**	**165.700**	**0,2367%**	
15.1	Trần Xuân Quyết			011509136	29/12/2009	Công an Hà Nội	Số nhà 22, Tổ 21, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội			Bố
15.2	Phạm Thị Minh			012496871	23/04/2002	Công an Hà Nội	Số nhà 22, Tổ 21, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội			Mẹ
15.3	Trần Thu Hiền			012516526	25/06/2009	Công an Hà Nội	Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội			Vợ
15.4	Trần Xuân Hiếu						Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội			Con
15.5	Trần Thành Trung						Số nhà 28, Tổ 17, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội			Con
15.6	Trần Thanh Hương			012651744	26/10/2003	Công an Hà Nội	P1608R4 Royalcity- 72 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội			Em
15.7	Trần Thị Huệ			013099573	24/07/2008	Công an Hà Nội	Số 10 Vũ Xuân Thiều, Tổ 21 P.Phú Lợi, Q.Long Biên, Hà Nội			Em
16	**Đồng Xuân Trường**		**Giám đốc Chi nhánh – Xí ngiệp XDCT1**	**36076000031**	**01/7/2013**	**Công an Hà Nội**	**Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.**	**61.900**	**0,0884%**	
16.1	Đồng Văn Chiều						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội			Bố

16.2	Hoàng Thị Hồng						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội			Mẹ
16.3	Đồng Thị Hương Huyền						P. Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội			Em
16.4	Đồng Bình Chính						Số 47D, Ngõ 766 Đê La Thành, Ba Đình, Hà Nội			Em
16.5	Lê Thị Anh Đào						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.			Vợ
16.6	Đồng Ngọc Linh						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.			Con
16.7	Đồng Khánh Linh						Số 6-M17 Láng Trung, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.			Con
17	**Đỗ Hoàng Lê**		**Giám đốc Chi nhánh – Công ty cung ứng LĐQT&DV**	**012208654**	**22/03/2014**	**Công an Hà Nội**	**P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội**	**15.700**	**0,0224%**	
17.1	Lê Thanh Bình			011976699	15/11/1996	Công an Hà Nội	Số 16 Nguyễn Du, P.Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Bố
17.2	Hoàng Thị Tuyết			011976698	18/10/1996	Công an Hà Nội	Số 16 Nguyễn Du, P.Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội			Mẹ
17.3	Trần Thị Thu Hiền			012515909	22/12/2007	Công an Hà Nội	P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội			Vợ
17.4	Đỗ Phương Anh						P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
17.5	Đỗ Bảo Châu						P407,B Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội			Con
17.6	Đỗ Thị Kim Thu			011915318	13/10/2010	Công an Hà Nội	Số 13, Ngõ Bà Triệu, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội			Chị
17.7	Đỗ Thị Kim Thanh			150016014		Công an Thái Bình	Số 5, P.Bồ Xuyên, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình			Chị
17.8	Đỗ Quang Tảo			012620615	05/08/2003	Công an Hà Nội	Số 5, Trương Hán Siêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội			Anh
17.9	Đỗ Thị Mai Phương			010566755	05/08/2003	Công an Hà Nội	Số 23, Ngõ 62 Nguyễn Viết Xuân, Thanh Xuân,			Chị

							Hà Nội.			
18	**Đào Việt Tiến**		**Phó TGĐ**	**011996588**	**23/10/2003**	**Công an Hà Nội**	**P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.**	**101.500**	**0,1450%**	
18.1	Đào Văn Nhẫn						Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên			Bố
18.2	Trương Thị Linh						Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên			Mẹ
18.3	Đỗ Thị Nguyệt Quế						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.			Vợ
18.4	Đào Bảo Châu						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.			Con
18.5	Đào Nguyệt Hà						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.			Con
18.6	Đào Nguyên Bảo						P203D2C, TT Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.			Con
18.7	Đào Việt Tân						P. Phúc Đồng, Q. Long Biên, TP. Hà Nội			Em
19	**Nguyễn Văn Hoàn**		**Giám đốc Chi nhánh – Hiệu trưởng Trường TCN công trình 1**	**001059000756**	**05/05/2014**	**CCS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**	**P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội**	**8.000**	**0,0114%**	
19.1	Nguyễn Văn Ngoạn						Thần Qui, Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội			Bố
19.2	Vũ Thị Hiền						Thần Qui, Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội			Mẹ
19.3	Nguyễn Thị Quyền			012486387		Công an Hà nội	P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Vợ
19.4	Nguyễn Cảnh Toàn			012486400		Công an Hà nội	P905CT4ĐN2 KĐT Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
19.5	Nguyễn Thị Hằng			012486404		Công an Hà nội	KĐT Mỹ Đình – Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
19.6	Nguyễn Văn Ngoản						KĐT Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội			Anh
19.7	Nguyễn Thị Ngoãn						Nhân Chính, Thanh Xuân,			Chị

							Hà Nội			
19.8	Nguyễn Thị Thành						Yên Bắc, Duy Tiên, Hà Nam			Em
19.9	Nguyễn Văn Năm						Thần Qui, Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội			Em
19.10	Nguyễn Thị Lúy						Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội			Em
19.11	Nguyễn Duy Diễn						Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội			Em
20	**Huỳnh Quang Tuấn**		**Giám đốc Chi nhánh Miền Nam**	**011492002**	**12/04/2007**	**Công an Hà Nội**	**316 – G1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội**	**12.700**	**0,0181%**	
20.1	Huỳnh Thị Minh Phương			011322497	25/11/2003	Công an Hà Nội	11A ngõ 165 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội			Chị
20.2	Huỳnh Quang Trung			012390355	04/06/2013	Công an Hà Nội	Số 28 Ngõ 34 P. Xuân La, Q. Tây Hồ, Hà Nội			Em
20.3	Huỳnh Mai Dung						316 – G1 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội			Em
21	**Đặng Hữu Sáng**		**Giám đốc Chi nhánh Campuchia**	**181859584**	**02/01/2010**	**Công an Nghệ An**	**Số 3/7, Ngõ 10 Nguyễn Huy Tự, Hà Tĩnh**	**5.200**	**0,0074%**	
21.1	Nguyễn Thị Minh Thành						Kỳ Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An			Mẹ
21.2	Ngô Thị Hoài Lê						P.Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh			Vợ
21.3	Đặng Hữu Hải Triều						P.Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh			Con
21.4	Đặng Ngô Thụy Miên						P.Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh			Con
21.5	Đặng Hữu Thìn									Anh
21.6	Đặng Hữu Ngọ									Anh
21.7	Đặng Hữu Thọ									Anh
21.8	Đặng Hữu Khang									Anh
21.9	Đặng Hữu Lệ									Em
22	**Nguyễn Tiến Hùng**		**Giám đốc Chi nhánh Tây Nguyên**	**030075000089**	**01/10/2014**	**CCS ĐKQL cư trú & DLQG về DC**	**Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội**	**6.300**	**0,0090%**	
22.1	Quách Thị Thiệp						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam			Mẹ

							Từ Liêm, Hà Nội			
22.2	Đàm Thị Nguyệt Ánh						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Vợ
22.3	Nguyễn Đàm Linh Nga						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
22.4	Nguyễn Đàm Linh Chi						Phú Mỹ, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội			Con
22.5	Công ty CP Tư vấn ĐTXDCT1- Cienco1		Công ty liên kết	6000427868	7/11/2002	Sở KH&ĐT Đăklắk	5/8 Cù Chính Lan,TP.Buôn Mê Thuột – Đắk Lắk			Chủ tịch HĐQT
23	**Lê Huy Hùng**		**Giám đốc Chi nhánh – Xí nghiệp Cầu 17**	**011817989**	**6/04/2011**	**Công an Hà Nội**	**Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội**	**50.500**	**0,0721%**	
23.1	Lê Minh Thắng			010034728	27/7/2004	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội			Bố
23.2	Vương Thị Đường			011970811	10/9/2012	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội			Mẹ
23.4	Cao Thanh Thủy			011833239	13/4/2009	Công an Hà Nội	Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội			Vợ
23.5	Lê Thu An						Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội			Con
23.6	Lê Thu Linh						Số 42, Tân Ấp, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội			Con
23.7	Lê Thị Tuyết Mai			112405827	22/7/2011	Công an Hà Nội	Cụm 4, TT Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội			Chị
23.8	Lê Quốc Tuấn						CHLB Đức			Anh
23.9	Lê Thị Thanh Phương			001174004842	22/6/2015	Công an Hà Nội	Số 101 Nguyễn Trường Tộ, Ba Đình, Hà Nội			Chị
24	**Trần Anh Dũng**		**Giám đốc Chi nhánh – Công ty XD 123**	**011857547**	**22/8/2007**	Công an Hà Nội	**1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội**	**0**	**0**	
24.1	Trần Quyết Chiến			011389138	9/11/2011	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân,	0	0	Bố đẻ

							Hà Nội			
24.2	Vũ Thị Phương			010255357	12/11/2011	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0	Mẹ đẻ
24.3	Nguyễn Thị Quỳnh Vân			011577824	11/8/2005	Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0	Vợ
24.4	Trần Minh Anh					Công an Hà Nội	1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0	Con
24.5	Trần Minh Quang						1C – K1 Tập thể Trần Hưng Đạo, Đồng Nhân, Hà Nội	0	0	Con
24.6	Trần Thị Thu Hương			011932816	7/3/2011	Công an Hà Nội	Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân, Hà Nội	0	0	Em gái

2. Giao dịch cổ phiếu: Không

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	Số cổ phiếu	Tỷ lệ%	
I.	**Giao dịch của các cổ đông nội bộ và người có liên quan.**						
1.	Nguyễn Ngọc Hòa	Cổ đông nội bộ	7.000	0,0100%	214.700	0,3067%	Mua
2.	Nguyễn Ngọc Hòa	Cổ đông nội bộ	214.700	0,3067%	7.000	0,0100%	Bán
3.	Lê Văn Long	Cổ đông nội bộ	27.880	0,0398%	38.180	0,0545%	Mua
4.	Đào Việt Tiến	Cổ đông nội bộ	5.300	0,0076%	101.500	0,1450%	Mua

5.	Võ Thành Công	Cổ đông nội bộ	6.700	0,0096%	46.700	0,0667%	Mua
6.	Đỗ Thúy Anh	Cổ đông nội bộ	5.100	0,0073%	0	0%	Bán
7.	Cấn Thị Hạnh	Người có liên quan	5.300	0,0076%	85.900	0,1227%	Mua
8.	Cấn Minh Đức	Người có liên quan	5.600	0,0080%	831.900	1,1884%	Mua
9.	Cấn Thị Hiến	Người có liên quan	0	0%	154.900	0,2213%	Mua
10.	Lê Văn Dần	Cổ đông nội bộ	6.400	0,0091%	44.900	0,0641%	Mua
11.	Trần Trung Thành	Cổ đông nội bộ	6.700	0,0096%	165.700	0,2367%	Mua
12.	Lê Huy Hùng	Cổ đông nội bộ	5.300	0,0076%	50.500	0,0721%	Mua
13.	Đồng Xuân Trường	Cổ đông nội bộ	6.400	0,0091%	61.900	0,0884%	Mua
14.	Nguyễn Văn Hoàn	Cổ đông nội bộ	6.000	0,0086%	8.000	0,0114%	Mua
15.	Đỗ Hoàng Lê	Cổ đông nội bộ	5.700	0,0081%	15.700	0,0224%	Mua
16.	Huỳnh Quang Tuấn	Cổ đông nội bộ	7.700	0,0110%	12.700	0,0181%	Mua
II.	**Giao dịch của các cổ đông lớn**						
1.	Công ty CP máy xây dựng Hassyu	Cổ đông chiến lược	7.700.000	11%	0	0%	Bán
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	Cổ đông chiến lược	24.903.534	35,5765%	20.003.534	28,5765%	Bán
3.	Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	Cổ đông lớn	13.753.552	19,6479%	17.213.552	24,5908%	Mua
4.	Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Cổ đông lớn	3.550.000	5,0714%	6.990.000	9,9857%	Mua
5.	Công ty CP thương mại nước giải khát Khánh An	Cổ đông lớn	0	0%	4.900.000	7%	Mua

Deloitte

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 - CÔNG TY CP

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 -2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cấn Hồng Lai	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015; Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Phạm Dũng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)
Ông Phạm Văn Diệt	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Ủy viên	
Ông Phạm Việt Khoa	Ủy viên	
Ông Vương Đức Thọ	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 06 tháng 5 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Quách Bá Vương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Cấn Hồng Lai	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Nguyễn Trường Long	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quảng Dương	Phó Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01 tháng 3 năm 2015)
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Vương Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 14 tháng 10 năm 2015)
Ông Đinh Ngọc Đàn	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm từ ngày 09 tháng 7 năm 2015)
Ông Nguyễn Duy Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Phó Tổng Giám đốc	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1 CÔNG TY CP

Quách Bá Vương
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Deloitte

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

DELOITTE VIỆT NAM 1991 – 2016

Số: 915 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 05 tháng 5 năm 2016, từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Công ty lập cho mục đích cung cấp thêm thông tin và đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 31 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định xem liệu số dư đầu kỳ có sai sót ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở ý của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với Báo cáo tài chính của các công ty liên kết của Tổng Công ty. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất số liệu báo cáo tài chính của công ty liên kết này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco 1 (Công ty con của Tổng Công ty) với tổng tài sản và tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lần lượt là 667.592.058.830 VND và 12.579.545.856 VND đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết, cũng như không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế đối với Báo cáo tài chính của công ty con này. Theo đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty hay không khi hợp nhất báo cáo tài chính của công ty con này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do Tổng Công ty chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0036-2013-001-1

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 05 tháng 5 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**3.935.546.961.890**	**4.288.480.813.385**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**311.945.632.907**	**846.678.829.415**
1. Tiền	111		207.432.134.749	662.134.124.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.513.498.158	184.544.704.988
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**23.818.679.809**	**181.694.857.382**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		23.818.679.809	181.694.857.382
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.504.786.839.503**	**2.283.591.194.166**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.858.493.457.617	1.498.420.914.295
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	348.751.458.032	485.060.332.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	54.447.628.560
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	50.000.000.000	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	306.125.759.813	292.627.966.888
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(58.583.835.959)	(46.965.648.377)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**12**	**1.062.805.070.877**	**923.523.105.032**
1. Hàng tồn kho	141		1.062.805.070.877	923.523.105.032
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**32.190.738.794**	**52.992.827.390**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	6.165.916.044	21.699.656.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24.223.347.648	30.377.146.114
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.801.475.102	916.024.511

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**714.826.959.862**	**716.994.718.501**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**565.331.700**	**1.989.383.041**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		104.687.000	104.687.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		460.644.700	1.884.696.041
II. Tài sản cố định	**220**		**206.359.032.327**	**241.860.978.749**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	192.830.910.882	228.031.918.669
- Nguyên giá	*222*		*614.107.364.660*	*661.744.302.702*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(421.276.453.778)*	*(433.712.384.033)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	*3.657.359.307*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	*(3.657.359.307)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	13.528.121.445	13.829.060.080
- Nguyên giá	*228*		*15.468.389.968*	*15.468.389.968*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.940.268.523)*	*(1.639.329.888)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**286.156.874**	**60.984.320.046**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		286.156.874	60.984.320.046
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**421.941.394.285**	**321.174.676.305**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	150.590.272.847	255.140.799.647
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	271.351.121.438	64.613.876.658
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	18	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	1.420.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**85.675.044.676**	**90.985.360.360**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	79.376.001.417	80.684.106.371
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.851.272.654	-
3. Lợi thế thương mại	269		3.447.770.605	10.301.253.989
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**4.650.373.921.752**	**5.005.475.531.886**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**3.807.621.877.615**	**4.143.569.929.180**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.516.318.326.000**	**4.053.067.401.379**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.863.304.083.861	1.468.195.013.127
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20	571.166.952.198	1.372.810.772.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	198.346.207.635	265.323.449.898
4. Phải trả người lao động	314		88.535.890.330	67.300.387.033
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	155.080.239.186	121.523.248.926
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	61.620.355.073
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.920.824.519	1.298.281.578
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	313.096.086.865	346.437.394.325
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	273.966.144.186	301.836.067.310
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	33.005.973.446	39.032.872.114
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.895.923.774	7.689.559.790
II. Nợ dài hạn	**330**		**291.303.551.615**	**90.502.527.801**
1. Phải trả dài hạn khác	337	22	19.007.142.889	31.845.143.470
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	239.570.503.257	18.942.473.186
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	32.725.905.469	39.620.611.631
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	94.299.514
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**842.752.044.137**	**861.905.602.706**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**26**	**842.752.044.137**	**861.905.602.706**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*700.000.000.000*	*700.000.000.000*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		100.519.210	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.247.055.412	8.333.588.483
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.175.365.531	1.691.222.348
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		72.604.419.857	79.770.675.966
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*(1.087.431.475)*	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*73.691.851.332*	*79.770.675.966*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		54.624.684.127	72.110.115.909
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**4.650.373.921.752**	**5.005.475.531.886**

Nguyễn Thị Bích Hạnh	Võ Thành Công	Quách Bá Vương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**29**	**5.788.937.425.078**	**5.845.869.756.599**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	286.569.241	2.106.292.789
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịchvụ (10=01-02)	**10**		**5.788.650.855.837**	**5.843.763.463.810**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	30	5.395.264.118.120	5.474.387.460.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**393.386.737.717**	**369.376.003.581**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	71.534.171.704	72.728.420.374
7. Chi phí tài chính	22	33	46.990.640.926	54.041.655.348
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*36.840.203.085*	*33.938.095.451*
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(72.670.208.788)	(5.558.584.212)
9. Chi phí bán hàng	25		-	110.712.102
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	225.725.682.262	244.156.066.348
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	**30**		**119.534.377.445**	**138.237.405.945**
12. Thu nhập khác	31		17.481.960.294	31.714.017.371
13. Chi phí khác	32		23.044.262.858	37.126.006.893
14. (Lỗ) khác (40=31-32)	**40**	**35**	**(5.562.302.564)**	**(5.411.989.522)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**113.972.074.881**	**132.825.416.423**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		28.129.306.626	32.093.131.575
17. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.851.272.654)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**88.694.040.909**	**100.732.284.848**
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	*61*		*76.754.787.227*	*91.685.738.290*
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	*62*		*11.939.253.682*	*9.046.546.558*
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**36**	**1.096**	**1.299**

Nguyễn Thị Bích Hạnh	Võ Thành Công	Quách Bá Vương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***113.972.074.881***	***132.825.416.423***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.842.581.448	52.625.424.349
Các khoản dự phòng	03	(4.145.624.073)	(6.750.076.398)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	296.594.363
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.334.347.092)	(72.625.708.638)
Chi phí lãi vay	06	36.840.203.085	33.938.095.451
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***156.174.888.249***	***140.309.745.550***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(145.775.565.096)	60.218.742.547
Thay đổi hàng tồn kho	10	(79.913.275.218)	501.436.113.674
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(522.746.889.914)	6.989.981.485
Thay đổi chi phí trả trước	12	7.730.617.012	125.740.014.439
Tiền lãi vay đã trả	14	(42.457.650.989)	(33.938.095.451)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(34.860.668.624)	(10.284.707.743)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.164.776.341	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.711.990.302)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(667.395.758.541)***	***790.471.794.501***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	21	(20.112.121.274)	(19.353.082.570)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	690.842.422	4.472.960.832
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(425.689.564.160)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	157.876.177.573	301.774.765.449
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(191.560.380.000)	(250.423.200.777)
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	89.006.663.187	219.260.348.120
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.342.713.454	69.448.103.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***14.243.895.362***	***(100.509.669.673)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	362.230.240.337
2. Tiền thu từ đi vay	33	933.416.413.865	35.808.312.734
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(740.658.306.918)	(718.940.665.289)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(74.038.928.000)	(7.417.448.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***118.719.178.947***	***(328.319.560.218)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(534.432.684.232)**	**361.642.564.610**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**846.678.829.415**	**485.036.264.805**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(300.512.276)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**311.945.632.907**	**846.678.829.415**

Nguyễn Thị Bích Hạnh	Võ Thành Công	Quách Bá Vương
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 5 năm 2016

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1756/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy Chứng nhận doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0100104274, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2010.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 25/QĐ-TTg phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1. Từ ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 0100104274 thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 6 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 623, Đường La Thành, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ - Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.295 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.525 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét, xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe máy, mô tô và xe động cơ khác) và thiết bị khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Đại lý giới thiệu việc làm, cung ứng và quản lý nguồn lao động, đại lý du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp, dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông, khảo sát trắc địa công trình, khảo sát địa chất nền móng công trình;

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ và công trình cầu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty chủ yếu được thực hiện trong thời gian lớn hơn 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có 03 công ty con. Chi tiết các công ty con và tỷ lệ góp vốn của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco 1	Hà Nội	51	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco 1	Hà Nội	51	Xây dựng dân dụng
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1	Hà Nội	68	Xây dựng công trình đường bộ

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	Hà Nội	49	Xây dựng công trình cầu
2	Công ty Cổ phần Phát triển, Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	Hà Nội	21	Sản xuất vật liệu xây dựng
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	Hà Nội	25	Sản xuất vật liệu xây dựng
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	Hà Nội	48	Xây dựng đường bộ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	Thanh Hóa	49	Sản xuất vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	Hà Nội	48	Xây dựng đường bộ
7	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	Hà Nội	45	Xây dựng công trình giao thông
8	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	Phú Thọ	28	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	TP.Hồ Chí Minh	26	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	Hà Nội	44	Xây dựng dân dụng
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 (i)	Đăk Lăk	55	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	Hà Nội	26	Tư vấn thiết kế cầu đường
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	Hà Nội	25	Xây dựng dân dụng
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	Hà Nội	33	Sản xuất vật liệu xây dựng
15	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	Sơn La	24	Sản xuất xi măng
16	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 (ii)	Hà Nội	19	Tư vấn thiết kế cầu đường

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 là trên 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty không nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1 do không chiếm đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 là dưới 20%. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1 do có thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty này. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và quyết định trình bày khoản đầu tư vào công ty này trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu so sánh (số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014) trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đã được phân loại lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn, và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2015
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 13
Phương tiện vận tải	4 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác là phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Tổng Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	24.207.119.682	27.939.156.440
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	183.225.015.067	629.955.197.987
Tiền đang chuyển	-	4.239.770.000
Các khoản tương đương tiền (i)	104.513.498.158	184.544.704.988
	311.945.632.907	**846.678.829.415**

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5% - 6,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Khu Quản lý giao thông đô thị số 02 - Cầu Rạch Chiếc	162.110.677.348	-
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	140.470.945.544	-
Ban quản lý Dự án 2 - Bộ Giao thông Vận tải - Gói thầu PK1C - QL3	127.869.330.790	124.211.976.330
Ban quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh - Cầu Hòa Trung	126.366.608.000	-
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Gói EX19A	68.599.297.388	-
Công ty Hanshin E&C	62.630.500.070	50.636.289.228
Ban quản lý Dự án Cầu Rồng	54.945.427.268	100.027.966.765
Ban quản lý Dự án Đường sắt - Gói thầu CP1A	53.518.861.707	-
Các đối tượng khác	1.061.981.809.502	1.223.544.681.972
	1.858.493.457.617	**1.498.420.914.295**
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	**19.979.429.094**	**5.164.469.146**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P	127.481.193.620	79.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8	14.873.737.183	27.989.325.755
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc	13.121.787.174	-
Công ty Cổ phần HASSYU Việt nam	334.713.002	67.639.751.764
Các đối tượng khác	192.940.027.053	310.431.255.281
	348.751.458.032	**485.060.332.800**
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	**21.996.012.932**	**33.656.844.776**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn phản ánh khoản Công ty Xây dựng 123 - Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty CP cho Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P vay theo Công văn số 318/2015/CV-TS ngày 23 tháng 11 năm 2015 để thực hiện thỏa thuận liên danh, tham dự gói thầu xây lắp XL-01 thuộc Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Khoản cho vay có thời hạn 3 tháng tính từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay, lãi suất ước tính 7%/năm.

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	10.702.477.213	11.250.168.568
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	45.354.167	7.560.763.162
Phải thu người lao động	51.356.950.144	54.508.837.902
Tạm ứng cho tổ đội thi công	154.061.452.253	163.449.590.539
Ký cược, ký quỹ	12.955.293.020	4.981.855.935
Phải thu khác	77.004.233.016	50.876.750.782
	306.125.759.813	**292.627.966.888**

11. NỢ XẤU

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	**63.461.778.204**	**4.877.942.245**	**46.965.648.377**	**-**
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	14.808.588.245	558.588.245	-	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Công chính	8.638.708.000	4.319.354.000	-	-
Các đối tượng khác	40.014.481.959	-	46.965.648.377	-

Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá thận trọng và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá trị sổ sách trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	24.297.178	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38.447.591.885	-	36.368.542.504	-
Công cụ, dụng cụ	1.108.763.283	-	1.479.880.247	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.021.158.721.551	-	880.747.642.495	-
Thành phẩm	1.537.047.117	-	4.409.802.903	-
Hàng hoá	528.649.863	-	517.236.883	-
Cộng	**1.062.805.070.877**	**-**	**923.523.105.032**	**-**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty không có công trình nào có số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang cao hơn giá trị có thể thu hồi được trong tương lai, do đó, không phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ phân bổ	2.184.943.934	19.560.067.315
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.980.972.110	2.139.589.450
	6.165.916.044	**21.699.656.765**
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ phân bổ	33.727.619.577	61.687.649.268
Chi phí trả trước về thuê tài sản	35.217.770.778	7.226.446.633
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.430.611.062	11.770.010.470
	79.376.001.417	**80.684.106.371**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong năm			31/12/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	(Giảm) do thoái vốn	
	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu					
Thuế giá trị gia tăng	388.046.541	1.744.149.936	808.204.820	-	1.323.991.657
- Thuế GTGT đầu ra	*388.046.541*	*1.744.149.936*	*808.204.820*	-	*1.323.991.657*
Thuế nhập khẩu	*84.592.651*	-	-	-	*84.592.651*
Các loại thuế khác	421.913.207	426.854.109	455.876.522	-	392.890.794
Thuế thu nhập cá nhân	*39.997.350*	*426.854.109*	*73.960.665*	-	*392.890.794*
Thuế khác	*381.915.857*	-	*381.915.857*	-	-
Các khoản phải nộp khác	21.472.112	-	-	(21.472.112)	-
Nộp khác	*21.472.112*	-	-	*(21.472.112)*	-
Cộng	**916.024.511**	**2.171.004.045**	**1.264.081.342**	**(21.472.112)**	**1.801.475.102**
b) Các khoản phải trả					
Thuế giá trị gia tăng	194.829.906.328	795.446.152.652	840.882.461.963	(8.331.812.223)	141.061.784.794
- Thuế GTGT đầu ra	*194.829.906.328*	*795.446.152.652*	*840.882.461.963*	*(8.331.812.223)*	*141.061.784.794*
Thuế nhập khẩu	-	528.781.800	528.781.800	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.969.396.039	29.675.744.959	34.860.668.624	(4.570.127.466)	30.214.344.908
Các loại thuế khác	14.789.840.641	16.517.691.575	17.019.913.230	(3.272.759.112)	11.014.859.874
Thuế môn bài	-	*10.000.000*	*10.000.000*	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	*8.764.788.310*	*3.025.064.506*	*6.318.791.070*	*(1.322.165.956)*	*4.148.895.790*
Thuế khác	*6.025.052.331*	*13.482.627.069*	*10.691.122.160*	*(1.950.593.156)*	*6.865.964.084*
Các khoản phải nộp khác	15.734.306.890	6.475.812.645	2.988.665.413	(3.166.236.063)	16.055.218.059
Nộp khác	*15.734.306.890*	*6.475.812.645*	*2.988.665.413*	*(3.166.236.063)*	*16.055.218.059*
Cộng	**265.323.449.898**	**848.644.183.631**	**896.280.491.030**	**(19.340.934.864)**	**198.346.207.635**

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	**149.962.512.636**	**382.913.043.300**	**118.368.635.570**	**10.500.111.196**	**661.744.302.702**
Tăng trong năm	**339.740.000**	**23.684.183.637**	**9.181.615.363**	**832.350.002**	**34.037.889.002**
Tăng do mua sắm	65.780.000	23.684.183.637	9.085.615.363	766.168.184	33.601.747.184
Tăng khác	273.960.000	-	96.000.000	66.181.818	436.141.818
Giảm trong năm	**(12.853.284.981)**	**(37.358.692.240)**	**(30.209.819.883)**	**(1.253.029.940)**	**(81.674.827.044)**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.529.292.560)	-	(4.529.292.560)
Giảm khác	-	(414.545.444)	-	-	(414.545.444)
Giảm do thoái vốn	(12.853.284.981)	(36.944.146.796)	(25.680.527.323)	(1.253.029.940)	(76.730.989.040)
Tại ngày 31/12/2015	**137.448.967.655**	**369.238.534.697**	**97.340.431.050**	**10.079.431.258**	**614.107.364.660**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	**73.499.673.839**	**272.368.115.027**	**79.854.253.898**	**7.990.341.269**	**433.712.384.033**
Tăng trong năm	**9.129.989.316**	**28.447.252.052**	**11.439.761.842**	**1.093.668.277**	**50.110.671.487**
Khấu hao trong năm	9.129.989.316	28.447.252.052	11.439.761.842	1.093.668.277	50.110.671.487
Giảm trong năm	**(8.137.346.915)**	**(29.584.947.988)**	**(23.795.340.858)**	**(1.028.965.981)**	**(62.546.601.742)**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.635.912.767)	-	(3.635.912.767)
Giảm khác	-	(198.206.055)	-	-	(198.206.055)
Giảm do thoái vốn	(8.137.346.915)	(29.386.741.933)	(20.159.428.091)	(1.028.965.981)	(58.712.482.920)
Tại ngày 31/12/2015	**74.492.316.240**	**271.230.419.091**	**67.498.674.882**	**8.055.043.565**	**421.276.453.778**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	**62.956.651.415**	**98.008.115.606**	**29.841.756.168**	**2.024.387.693**	**192.830.910.882**
Tại ngày 31/12/2014	**76.462.838.797**	**110.544.928.273**	**38.514.381.672**	**2.509.769.927**	**228.031.918.669**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 184.030.647.218 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 131.196.340.418 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25, Tổng Công ty đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty với giá trị còn lại tối thiểu tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 36.195.892.298 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 21.338.133.205 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	**14.710.135.968**	**758.254.000**	**15.468.389.968**
Tại ngày 31/12/2015	**14.710.135.968**	**758.254.000**	**15.468.389.968**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	**881.075.888**	**758.254.000**	**1.639.329.888**
Khấu hao trong năm	300.938.635	-	300.938.635
Tại ngày 31/12/2015	**1.182.014.523**	**758.254.000**	**1.940.268.523**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	**13.528.121.445**	**-**	**13.528.121.445**
Tại ngày 31/12/2014	**13.829.060.080**	**-**	**13.829.060.080**

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

STT	Công ty liên kết	Giá gốc khoản đầu tư	Tăng/(giảm) do biến động tài sản thuần 2014	Tăng/(giảm) do biến động tài sản thuần 2015	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		VND	VND	VND	VND
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	4.900.000.000	-	(4.900.000.000)	-
2	Công ty Cổ phần, Phát triển Đầu tư và Xây dựng 115 - Cienco 1	1.263.234.000	(34.943.592)	(483.370.430)	744.919.978
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 119 - Cienco 1	586.812.929	-	(586.812.929)	-
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	7.200.000.000	(12.865.209.100)	5.665.209.100	-
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	1.715.000.000	11.446.660.243	(13.161.660.243)	-
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 128 - Cienco 1	6.214.309.449	(134.230.945)	(93.001.459)	5.987.077.045
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	4.500.000.000	-	(4.500.000.000)	-
8	Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	45.532.400.000	-	(903.195.142)	44.629.204.858
9	Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	49.400.000.000	-	(915.076.586)	48.484.923.414
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	2.350.000.000	-	(690.268.546)	1.659.731.454
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	2.770.727.287	(56.572.729)	(60.125.355)	2.654.029.203
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	2.641.303.364	249.939.222	87.244.014	2.978.486.600
13	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	40.000.000.000	-	163.213.462	40.163.213.462
14	Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu và Xây dựng Công trình 1	2.571.000.000	-	(1.654.720.192)	916.279.808
15	Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	57.494.028.490	(6.827.343.134)	(50.666.685.356)	-
16	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	1.809.942.987	533.423.164	29.040.874	2.372.407.025
		230.948.758.506	**(7.688.276.871)**	**(72.670.208.788)**	**150.590.272.847**

Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết trong năm như sau:

	2015			2014		
	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu	Chi phí	Lợi nhuận sau thuế
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tình hình hoạt động của các Công ty liên liên kết trong năm	851.755.797.034	866.344.701.393	(14.588.904.359)	185.657.964.451	214.431.540.351	(28.773.575.900)

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ (*)	148.172.580.000	-	49.032.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Bạch Đằng (*)	80.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Đường tránh Thanh Hoá (*)	21.050.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Hall Brothers International	6.900.649.188	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 134	5.823.411.406	-	5.823.411.406	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	5.348.575.013	-	5.348.575.013	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hạ Tầng Anphanam	4.025.905.831	-	4.025.905.831	-
Các khoản đầu tư dài hạn khác	30.000.000	-	383.984.408	-
	271.351.121.438	**-**	**64.613.876.658**	**-**

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, do các đơn vị nhận vốn đầu tư của Tổng Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

(*) Các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động theo hình thức BOT (Xây dựng - vận hành - chuyển giao) các công trình đường bộ của Tổng Công ty được đánh giá theo kế hoạch đầu tư, xây dựng và vận hành dựa trên giấy phép hoạt động tại các dự án giao thông mà các Công ty này tham gia đầu tư. Việc chuyển giao cho các đơn vị chủ quản sẽ được thực hiện sau thời gian cam kết trong giấy phép đầu tư dự án.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hassyu Việt Nam	77.109.081.092	77.109.081.092	-	-
Công ty Cổ phần Cầu 14	73.267.036.439	73.267.036.439	112.232.964.652	112.232.964.652
Công ty TNHH Thương mại Thành An	45.247.421.000	45.247.421.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	42.946.492.662	42.946.492.662	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	36.034.128.270	36.034.128.270	-	-
Công ty TNHH Cung ứng Nhựa đường ADCO	33.333.994.220	33.333.994.220	33.626.042.220	33.626.042.220
Các đối tượng khác	1.555.365.930.178	1.555.365.930.178	1.322.336.006.255	1.322.336.006.255
	1.863.304.083.861	**1.863.304.083.861**	**1.468.195.013.127**	**1.468.195.013.127**
Phải trả người bán các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	**2.463.918.682**	**2.463.918.682**	**7.169.169.444**	**7.169.169.444**

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ban quản lý dự án đường nối Thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng	132.123.899.926	81.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT cầu Bạch Đằng	59.984.092.100	-
Liên danh China Road & Bridge Corporation - Công ty Vinaconex E&C - Cầu Cao Lãnh	29.870.335.777	33.405.637.581
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Gói 7 (Đà Nẵng - Quảng Ngãi)	25.409.137.372	74.813.599.960
Liên danh Công ty GS - Công ty Hanshin - Cầu Vàm Cống	-	394.188.926.307
Công ty Cổ phần BOT Pháp Vân - Cầu Giẽ	3.731.183.950	104.382.774.192
Các đối tượng khác	320.048.303.073	685.019.834.165
	571.166.952.198	**1.372.810.772.205**
Người mua trả tiền trước các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	**79.667.957.954**	**131.711.127.186**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí phải trả về hợp đồng xây dựng	125.925.000.404	75.034.150.855
Chi phí lãi vay phải trả	16.533.999.616	22.151.447.520
Phí bảo lãnh ngân hàng	3.363.781.537	14.004.275.387
Các chi phí phải trả khác	9.257.457.629	10.333.375.164
	155.080.239.186	**121.523.248.926**

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả tổ đội thi công	133.413.858.935	150.529.979.544
Phải trả về xây dựng khách sạn Sơn La (ii)	62.442.476.156	59.377.009.156
Phải trả cơ quan bảo hiểm, kinh phí công đoàn	45.921.886.984	45.314.263.739
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.344.345.756	19.695.828.771
Phải trả về cổ phần hóa (i)	18.613.286.330	18.198.556.166
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	36.360.232.704	53.321.756.949
	313.096.086.865	**346.437.394.325**
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	14.877.699.500	25.832.182.000
Các khoản khác	4.129.443.389	6.012.961.470
	19.007.142.889	**31.845.143.470**

22. PHẢI TRẢ KHÁC (Tiếp theo)

(i) Phản ánh số tiền còn phải nộp Ngân sách Nhà nước liên quan đến cổ phần hóa Tổng Công ty

(ii) Phản ánh số tiền mà Tổng Công ty đã nhận từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sơn La liên quan đến việc mua lại diện tích tầng hầm và 5 mặt sàn tại Dự án Khách sạn Sơn La.

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	301.836.067.310	301.836.067.310	696.409.280.608	734.334.438.732	263.910.909.186	263.910.909.186
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 25)	-	-	10.055.235.000	-	10.055.235.000	10.055.235.000
Cộng	**301.836.067.310**	**301.836.067.310**	**706.464.515.608**	**734.334.438.732**	**273.966.144.186**	**273.966.144.186**

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	**263.910.909.186**	**301.836.067.310**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (i)	43.797.445.884	45.284.617.622
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	58.025.834.290	49.969.197.174
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (i)	33.346.724.168	75.099.547.021
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (i)	10.289.319.121	9.060.536.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (i)	-	5.265.704.001
Ngân hàng TMC Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	31.916.319.622	19.321.190.693
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	81.788.434.422	70.561.870.070
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	-	2.791.117.406
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	-	722.711.000
Vay cá nhân và vay khác (ii)	4.746.831.679	23.759.576.323
Vay và Nợ dài hạn đến hạn trả	**10.055.235.000**	-
	273.966.144.186	**301.836.067.310**

(i) Bao gồm các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, thiết bị máy móc cầm cố thế chấp, tài khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu, quyền đòi nợ và các nguồn thu hợp pháp từ các dự án của Tổng Công ty. Các khoản vay có thời gian vay đến 12 tháng và lãi suất vay dao động từ 6%/năm đến 7%/năm.

(ii) Các khoản vay cá nhân, vay khác có thời hạn dưới 12 tháng không có tài sản bảo đảm, lãi suất vay dao động từ 10%/năm đến 11%/năm.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Dự phòng phải trả phản ánh dự phòng bảo hành các công trình xây lắp được Tổng Công ty trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình được xác định theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về nghĩa vụ bảo hành có thể phát sinh cho từng dự án hoàn thành nhưng không vượt quá 5% doanh thu lũy kế của dự án đến ngày 31 tháng 12 năm 2015.

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	18.942.473.186	18.942.473.186	237.007.133.257	6.323.868.186	249.625.738.257	249.625.738.257
Cộng	**18.942.473.186**	**18.942.473.186**	**237.007.133.257**	**6.323.868.186**	**249.625.738.257**	**249.625.738.257**
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	-				*10.055.235.000*	
Số phải trả sau 12 tháng	*18.942.473.186*				*239.570.503.257*	

Chi tiết các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (i)	129.568.059.217	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	7.042.680.000	9.390.240.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iii)	14.631.745.000	8.641.500.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (iv)	85.309.636.040	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Long Biên (v)	12.415.618.000	-
Vay dài hạn cá nhân và vay khác	658.000.000	910.733.186
	249.625.738.257	**18.942.473.186**

(i) Ngày 18 tháng 4 năm 2015, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng trung hạn với Ngân hàng TMCP Đông Nam Á với số tiền 160.000.000.000 VND để phục vụ đầu tư Dự án "Xây dựng Cầu Rạch Chiếc trên Đường vành đai phía đông Quận 9, TP Hồ Chí Minh". Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần và được hoàn trả trong tối đa 42 tháng bắt đầu từ ngày 04 tháng 02 năm 2015, ngày phát lệnh khởi công công trình. Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.

(ii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 01/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 08 tháng 10 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 3.033.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 02/2013/HĐTDTDH-PN/SHB.HN-BT ngày 14 tháng 11 năm 2013, số tiền vay theo hợp đồng là 8.704.800.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất vay trong hạn theo khế ước nhận nợ, điều chỉnh 03 tháng/lần. Khoản vay được sử dụng với mục đích mua sắm máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo của hai khoản vay là hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tiền gửi số 08102013/SHB-Cienco 1 với số tiền là 21.400.000.000 VND và toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Giá trị còn lại của tài sản cố định sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 7.417.954.545 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.954.405.302 VND).

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(iii) Các khoản vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng trung hạn số 597.14.057.877888.TD ký ngày 26 tháng 6 năm 2014. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 25.000.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm thực hiện phát hành bảo lãnh thanh toán và tài trợ một phần chi phí mua mới thiết bị thi công phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 358.15.057.877888.TD ký ngày 06 tháng 5 năm 2015. Số tiền tín dụng được cấp là 380.000 USD (quy đổi VND tại thời điểm giải ngân, đồng tiền giải ngân là VND). Lãi suất của khoản vay là lãi suất thả nổi, quy định tại mỗi giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay nhằm phát hành L/C kèm cho vay trung hạn thanh toán L/C để thực hiện phương án đầu tư Ván khuôn leo nhập khẩu từ Hàn Quốc theo hợp đồng mua bán ngày 10 tháng 4 năm 2015 ký giữa Chungdo Steel Co., Ltd và Công ty Thi công Cơ giới I.

Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Tổng Công ty với giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9.878.822.602 VND (31 tháng 12 năm 2014: 11.383.727.903 VND).

(iv) Ngày 09 tháng 10 năm 2015, Tổng Công ty ký Hợp đồng tín dụng trung hạn số 12215/360/TDTH với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Khoản vay có hạn mức tín dụng được cấp là 120.000.000.000 VND. Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích của khoản vay là tài trợ và phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện gói thầu số 6 "Xây dựng cầu Hòa Trung". Khoản vay được bảo đảm bằng nguồn thu của Tổng Công ty tại dự án này.

(v) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Long Biên tại Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty con, theo Hợp đồng tín dụng số 26076.15.053.33552 ký ngày 17 tháng 8 năm 2015 với giá trị hạn mức tín dụng là 14.921.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay sử dụng nhằm mục đích phát hành bảo lãnh thanh toán, cấp tín dụng trung hạn cho Công ty đầu tư và máy móc thiết bị tăng năng lực thi công. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 02 chiếc cần cẩu tháp DAHAN DH 7027, hệ thống vận thăng lồng chở người và vật liệu Model VPV100, và hệ thống cốp pha leo thủy lực. Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18.899.115.151 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	10.055.235.000	-
Trong năm thứ hai	34.364.149.010	4.195.560.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	75.638.295.030	14.746.913.186
	120.057.679.040	**18.942.473.186**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng *(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)*	10.055.235.000	-
Số phải trả sau 12 tháng	**110.002.444.040**	**18.942.473.186**
Khoản vay dài hạn chưa có lịch trả nợ cụ thể	**129.568.059.217**	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (*)	129.568.059.217	-

(*) Lịch thanh toán của khoản vay phụ thuộc vào nguồn phải thu từ dự án. Do đó, khoản vay không có lịch trả nợ cụ thể trong suốt quá trình vay (Chi tiết thông tin về khoản vay được trình bày tại mục (i)). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản vay này có lịch thanh toán dài hạn; do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định trình bày khoản vay này trên khoản mục "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn".

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 06/6/2014	**700.000.000.000**	-	-	-	-	-	**114.016.075.699**	**814.016.075.699**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	94.146.065.924	6.325.317.785	100.471.383.709
Trích quỹ	-	-	4.228.055.870	4.228.055.870	1.691.222.348	(14.375.389.958)	9.456.671.015	5.228.615.145
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(122.523.257)	-	-	(57.687.948.590)	(57.810.471.847)
Số dư tại ngày 31/12/2014 (Trình bày lại)	**700.000.000.000**	-	**4.228.055.870**	**4.105.532.613**	**1.691.222.348**	**79.770.675.966**	**72.110.115.909**	**861.905.602.706**
Trình bày lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	-	-	4.105.532.613	(4.105.532.613)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	**700.000.000.000**	-	**8.333.588.483**	-	**1.691.222.348**	**79.770.675.966**	**72.110.115.909**	**861.905.602.706**
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	76.754.787.227	11.939.253.682	88.694.040.909
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(4.038.928.000)	(74.038.928.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	600.552.081	-	215.436.490	(1.572.257.030)	(640.117.999)	(1.396.386.458)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(760.500.000)	-	-	(760.500.000)
Giảm do Công ty mẹ thoái vốn	-	-	(3.717.969.853)	-	-	(3.503.214.496)	(24.410.828.094)	(31.632.012.443)
Tăng/(giảm) khác	-	100.519.210	8.030.884.701	-	1.029.206.693	(8.845.571.810)	(334.811.371)	(19.772.577)
Số dư tại ngày 31/12/2015	**700.000.000.000**	**100.519.210**	**13.247.055.412**	-	**2.175.365.531**	**72.604.419.857**	**54.624.684.127**	**842.752.044.137**

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 số 0161/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04 tháng 5 năm 2015 của Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2015 của các Công ty con về việc phân phối lợi nhuận năm 2014, Tổng Công ty đã tiến hành chia cổ tức năm 2014 bằng tiền mặt với số tiền 74.038.928.000 VND.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**70.000.000**	**70.000.000**
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**70.000.000**	**70.000.000**
+) Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	70.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi được phát hành lại.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 do chưa có quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100104274 và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 700.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Bộ Giao thông Vận tải	-	-	24.500.000	35
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	7.000.000	10	7.000.000	10
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.767.694	7	4.737.914	7
Công ty Cổ phần Máy Xây dựng Hassyu	-	-	7.700.000	11
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	20.003.534	29	12.303.534	18
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	17.213.552	25	1.853.552	3
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	6.990.000	10	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An	4.900.000	7	-	-
Các cổ đông khác	9.125.220	12	11.905.000	16
	70.000.000	**100**	**70.000.000**	**100**

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ (USD)	101.928	9.921
Yên Nhật (JPY)	10.348.674	7.699.181

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Tổng Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 29 và số 30.

Tổng Công ty thực hiện dịch vụ thi công xây lắp các công trình chủ yếu ở các thị trường phía Bắc, khu vực thành phố Hồ Chí Minh và Tây Nguyên. Trong năm, Tổng Công ty có thực hiện dịch vụ xây lắp tại thị trường Campuchia với doanh thu khoảng hơn 10,9 tỷ VND - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu xây lắp	5.565.738.884.269	5.527.921.000.322
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.619.170.243	295.051.390.333
- Doanh thu khác	124.579.370.566	22.897.365.944
	5.788.937.425.078	**5.845.869.756.599**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	286.569.241	2.106.292.789
	286.569.241	**2.106.292.789**
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 39)	**247.564.108.864**	**301.751.892.054**

30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	5.235.532.413.659	5.198.841.444.954
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	69.846.242.562	263.270.236.083
Giá vốn khác	89.885.461.899	12.275.779.192
	5.395.264.118.120	**5.474.387.460.229**

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.933.129.132.447	1.982.847.230.640
Chi phí nhân công	570.694.526.618	554.025.970.077
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.411.610.122	51.495.240.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.069.516.161.906	3.390.846.928.540
Chi phí khác bằng tiền	123.158.504.977	218.343.530.408
	5.746.909.936.070	**6.443.293.188.195**

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.890.564.459	26.683.588.462
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.936.740.000	10.065.993.486
Lãi chênh lệch tỷ giá	28.188.200.214	3.280.316.941
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	22.502.299.129	29.819.782.285
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.367.902	2.878.739.200
	71.534.171.704	**72.728.420.374**

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	36.840.203.085	33.938.095.451
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	1.995.256.496	9.785.458.262
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.348.949.987	7.483.437.560
Chi phí tài chính khác	3.806.231.358	2.834.664.075
	46.990.640.926	**54.041.655.348**

34. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lương và khoản trích theo lương	107.595.195.657	108.703.240.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.785.257.892	11.347.958.137
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	16.254.223.171	2.946.993.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	89.091.005.542	121.157.874.276
	225.725.682.262	**244.156.066.348**

35. LỖ KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu nhập khác	**17.481.960.294**	**31.714.017.371**
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	8.753.030.099	-
Các khoản khác	8.728.930.195	31.714.017.371
Chi phí khác	**23.044.262.858**	**37.126.006.893**
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	133.987.716
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	*(690.842.422)*	*(690.646.908)*
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	*690.842.422*	*824.634.624*
Các khoản phạt vi phạm hợp đồng	10.965.179.738	4.695.271.083
Các khoản khác	12.079.083.120	32.296.748.094
	(5.562.302.564)	**(5.411.989.522)**

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015	2014 Trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**76.754.787.227**	**91.685.738.290**
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	-	(756.268.459)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**76.754.787.227**	**90.929.469.831**
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (Cổ phiếu)	70.000.000	70.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	**1.096**	**1.299**

37. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì với số tiền 53.000.000.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ Tổng Công ty đã góp 45.532.400.000 VND.

Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC với số tiền 92.250.000.000 VND, chiếm 25% vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty mẹ Tổng Công ty đã góp 40.000.000.000 VND.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và 25 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay	513.536.647.443	320.778.540.496
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	846.678.829.415
Nợ thuần	201.591.014.536	-
Vốn chủ sở hữu	842.752.044.137	861.905.602.706
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,24	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	846.678.829.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	181.694.857.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.901.182.310.774	1.528.114.187.406
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	271.351.121.438	66.033.876.658
Tổng cộng	**2.558.297.744.928**	**2.622.521.750.861**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	513.536.647.443	320.778.540.496
Phải trả người bán và phải trả khác	2.149.485.426.631	1.801.163.287.183
Chi phí phải trả	155.080.239.186	121.523.248.926
Tổng cộng	**2.818.102.313.260**	**2.243.465.076.605**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất hay rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	17.699.999.300	23.994.601.820
Yên Nhật (JPY)	-	-	4.081.102.217	1.401.744.437
Won Hàn Quốc (KRW)	-	-	148.186.146.187	6.608.937.346

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Won Hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015
	VND
Đô la Mỹ (USD)	884.999.965
Yên Nhật (JPY)	204.055.111
Won Hàn Quốc (KRW)	7.409.307.309

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/ tăng 10.270.732.949 VND.

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
		VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015		
VND	+200	(10.270.732.949)
VND	-200	10.270.732.949
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(6.415.570.810)
VND	-200	6.415.570.810

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan và các khách hàng có số dư phải thu lớn. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan và khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	311.945.632.907	-	311.945.632.907
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.818.679.809	-	23.818.679.809
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.900.616.979.074	565.331.700	1.901.182.310.774
Phải thu về cho vay ngắn hạn	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	271.351.121.438	271.351.121.438
Tổng cộng	**2.286.381.291.790**	**271.916.453.138**	**2.558.297.744.928**
Các khoản vay	273.966.144.186	239.570.503.257	513.536.647.443
Phải trả người bán và phải trả khác	2.130.478.283.742	19.007.142.889	2.149.485.426.631
Chi phí phải trả	155.080.239.186	-	155.080.239.186
Tổng cộng	**2.559.524.667.114**	**258.577.646.146**	**2.818.102.313.260**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(273.143.375.324)**	**13.338.806.992**	**(259.804.568.332)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	846.678.829.415	-	846.678.829.415
Đầu tư tài chính ngắn hạn	181.694.857.382	-	181.694.857.382
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.526.124.804.365	1.989.383.041	1.528.114.187.406
Đầu tư tài chính dài hạn	-	66.033.876.658	66.033.876.658
Tổng cộng	**2.554.498.491.162**	**68.023.259.699**	**2.622.521.750.861**
Các khoản vay	301.836.067.310	18.942.473.186	320.778.540.496
Phải trả người bán và phải trả khác	1.769.318.143.713	31.845.143.470	1.801.163.287.183
Chi phí phải trả	121.523.248.926	-	121.523.248.926
Tổng cộng	**2.192.677.459.949**	**50.787.616.656**	**2.243.465.076.605**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**361.821.031.213**	**17.235.643.043**	**379.056.674.256**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty và các công ty con có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn bằng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các khoản hỗ trợ tài chính bằng các khoản vay từ ngân hàng.

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Khánh	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	Cổ đông lớn
Các công ty còn lại khác như trình bày tại Thuyết minh số 1 - Thông tin khái quát	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	VND	VND
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**247.564.108.864**	**301.751.892.054**
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	176.045.783.616	190.574.381.144
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	8.107.439.091	111.177.510.910
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	440.996.603	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng 121 - Cienco1	80.241.970	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	53.868.935.844	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	544.024.246	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	65.400.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	6.572.465.855	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Yên Khánh	1.838.821.639	-
Mua hàng hóa và dịch vụ cung cấp	**114.396.027.547**	**6.256.111.461**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 125	15.650.987.242	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 1	23.128.377.228	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	30.728.078.133	6.256.111.461
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 15 - Cienco 1	6.453.322.288	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	1.750.514.535	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Thương mại 124	430.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	36.254.748.121	-
Góp vốn đầu tư	**12.419.800.000**	**54.683.327.287**
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	6.644.800.000	17.687.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	5.775.000.000	34.225.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	-	2.770.727.287
Thu nhập cổ tức	**831.740.000**	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	129.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Cienco 1	296.240.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xây dựng Giao thông 1	406.000.000	-
Chia cổ tức	**50.445.000.000**	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Yên Khánh	24.903.534.000	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	13.753.552.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	4.737.914.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	3.550.000.000	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc - Công ty mẹ Tổng Công ty	**3.877.990.048**	**2.176.000.000**

39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	**19.979.429.094**	**5.164.469.146**
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	12.078.723.448	-
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	5.577.809.091	2.865.572.591
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	2.298.896.555	2.298.896.555
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	24.000.000	-
Người mua trả tiền trước	**79.667.957.954**	**131.711.127.186**
Công ty Cổ phần BOT Cầu Việt Trì	-	131.489.264.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng FCC	73.739.898.723	-
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	5.928.059.231	221.862.500
Các khoản phải trả người bán	**2.463.918.682**	**7.169.169.444**
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	-	61.313.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Việt Nam	-	195.574.025
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình Ngầm Fecon	2.463.918.682	6.912.282.419
Trả trước cho người bán	**21.996.012.932**	**33.656.844.776**
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Cienco 1 (CIC)	-	7.475.040.260
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Công trình 1	1.297.813.223	1.088.007.271
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	13.307.691.690	13.307.691.690
Công ty TNHH Thiết bị Xây dựng Hồng Hà	7.390.508.019	11.786.105.555

40. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết số 0428/QĐ-HĐQT về việc thoái toàn bộ vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần xây dựng Đường bộ 248 - Cienco 1 ("Công ty 248") - Công ty con của Tổng Công ty. Ngày 22 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã hoàn thành việc bán số cổ phần đang sở hữu tại Công ty 248 cho nhà đầu tư theo phương thức thỏa thuận trực tiếp.

Theo Công văn số 056/TCT-HĐQT ngày 15 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức 2015 cho cổ đông với giá trị 800 VND/cổ phiếu và sẽ chia cho các cổ đông từ ngày 20 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty chưa hạch toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Mức cổ tức đề xuất sẽ được thanh toán cho các cổ đông theo Sổ Đăng ký thành viên tại ngày 15 tháng 01 năm 2016, tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 56.000.000.000 VND.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần từ ngày 06 tháng 6 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để phục vụ cho mục đích cung cấp thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay. Cụ thể như sau:

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**31/12/2014 (VND)**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**31/12/2014 (VND)**	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT						
I. Tài sản			**I. Tài sản**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	181.694.857.382	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	181.694.857.382	Đổi tên
2. Phải thu khách hàng	131	1.498.420.914.295	2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.498.420.914.295	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	485.060.332.800	3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	485.060.332.800	Đổi tên
4. Các khoản phải thu khác	135	144.509.745.193	4. Phải thu ngắn hạn khác	136	292.627.966.888	Phân loại lại và đổi tên
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	148.118.221.695	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại và đổi tên
6. Phải thu dài hạn khác	218	-	6. Phải thu dài hạn khác	216	1.884.696.041	Phân loại lại và đổi tên
7. Tài sản dài hạn khác	268	1.884.696.041	7. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại
8. Đầu tư dài hạn khác	258	66.033.876.658	8. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	64.613.876.658	Phân loại lại
Không có chỉ tiêu tương ứng	-	-	9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	1.420.000.000	Phân loại lại
II. Nguồn vốn			**II. Nguồn vốn**			
1. Phải trả người bán	312	1.468.195.013.127	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.468.195.013.127	Đổi tên
2. Người mua trả tiền trước	313	1.372.810.772.205	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	1.372.810.772.205	Đổi tên
3. Chi phí phải trả	316	198.761.255.911	3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	121.523.248.926	Phân loại lại và đổi tên
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	346.437.394.325	4. Phải trả ngắn hạn khác	319	346.437.394.325	Đổi tên
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	1.298.281.578	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	1.298.281.578	Bổ sung khoản mục mới
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	1.415.476.760	6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	39.032.872.114	Phân loại lại
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	39.620.611.631	Phân loại lại
8. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	8. Vốn góp của chủ sở hữu	411	700.000.000.000	Đổi tên
9. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.228.055.870	9. Quỹ đầu tư phát triển	418	8.333.588.483	Phân loại lại và đổi tên
10. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.105.532.613	*Không có chỉ tiêu tương ứng*	-	-	Phân loại lại

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC			Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Tên chỉ tiêu	**Mã số**	**Năm 2014 (VND)**	**Tên chỉ tiêu**	**Mã số**	**Năm 2014 (VND)**	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT						
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.822.972.390.655	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.845.869.756.599	Phân loại lại
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.462.111.681.037	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	5.474.387.460.229	Phân loại lại
3. Thu nhập khác	31	54.611.383.315	3. Thu nhập khác	31	31.714.017.371	Phân loại lại
4. Chi phí khác	32	49.401.786.085	4. Chi phí khác	32	37.126.006.893	Phân loại lại
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.310	5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.299	Trình bày lại

Nguyễn Thị Bích Hạnh	**Võ Thành Công**	**Quách Bá Vương**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 05 tháng 5 năm 2016